

TRƯỜNG THÀNH ALUMINUM



SONG HÀNH HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN



NHÔM TRƯỜNG THÀNH



CATALOGUE 2023

GOLD DOOR

koco[®]

GM55

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty TNHH sản xuất Nhôm Trường Thành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nhôm thanh định hình phục vụ cho ngành công nghiệp, xây dựng và đời sống.

Được thành lập từ năm 2016, công ty Nhôm Trường Thành hiện sở hữu 5 nhà máy với quy mô lớn, 4 nhà máy khu vực phía Bắc tại Cụm CN Quất Động mở rộng, Thường Tín, Hà Nội có tổng diện tích 2.5 ha; 1 nhà máy khu vực phía nam tại KCN Nam Thuận, Đức Hòa, Long An với tổng diện tích 3.2 ha.

Với hệ thống 16 dây chuyền đùn ép, 3 dây chuyền phun sơn tĩnh điện, 3 dây chuyền sản xuất bột sơn tĩnh điện nhập khẩu từ CHLB Đức và Đài Loan, hiện nay Nhôm Trường Thành là đơn vị sở hữu nhiều dây chuyền đùn ép nhôm cỡ từ 5 inch trở lên nhiều nhất Việt Nam. Tổng sản lượng cung cấp ra thị trường hàng năm đạt khoảng 50.000 tấn.

Nhà máy Nhôm Trường Thành đạt chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001- 2015, các dòng sản phẩm nhôm thanh định hình mang thương hiệu **GOLD DOOR** và **koco** 65 của nhà máy đều đạt được chứng chỉ hợp quy QCVN 16:2019/BXD. Hệ thống nhà phân phối trải dài trên 63 tỉnh thành Việt Nam. Đặc biệt Nhôm Trường Thành không ngừng phấn đấu hướng tới mục tiêu xuất khẩu nhôm thanh định hình ra thị trường quốc tế. Nhằm khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường nước ngoài.

Hệ **koco** 65 là hệ nhôm mới nhất của công ty Nhôm Trường Thành, được phát triển từ hệ nhôm XF truyền thống. Hệ **koco** 65 có độ dày tiêu chuẩn từ 1,2mm - 2mm. Các chi tiết gân đã được điều chỉnh để thuận lợi hơn cho việc gia công sản xuất và mang đến nhiều sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng.

Các sản phẩm của Nhôm Trường Thành hiện được sử dụng rộng rãi cho các dự án, các công trình xây dựng khách sạn, resort, chung cư cao cấp, hộ gia đình... khẳng định vị thế là doanh nghiệp sản xuất nhôm hàng đầu tại Việt Nam.

Với sự phát triển mạnh mẽ trong suốt những năm vừa qua đã cho thấy sự đột phá trong tư duy của Ban Lãnh đạo, sự phát triển không ngừng về chuỗi giá trị sản phẩm cung ứng. Sự gắn kết và song hành phát triển của hệ thống Nhà phân phối là niềm tin vững chắc để Nhôm Trường Thành có những bước tiến xa và mạnh mẽ hơn trên thị trường Việt Nam và quốc tế.



**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

☎ 1900.0061

🌐 nhomtruongthanh.vn

HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN



16 dây chuyền đùn ép
48.000 tấn/năm



3 dây chuyền
sơn tĩnh điện



Sản xuất khuôn mẫu,
cơ khí chế tạo
5000 kiểu dáng
nhôm thanh



**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

CHỨNG CHỈ GIẢI THƯỞNG



NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



XF Gold Door
sang trọng



KOCO Châu Âu
đẳng cấp



Vát cạnh GM55
tiện nghi



Hệ thủy lực
mạnh mẽ



Hệ lùa êm ái



Hệ Việt Pháp
đa dụng



Hệ chấn song
an toàn



Hệ mặt dựng
hiện đại



Hệ nội thất
bền bỉ



**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

Các dây chuyền đều được nhập khẩu từ CHLB Đức và Đài Loan



**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

BILLET — MẪU & LAB



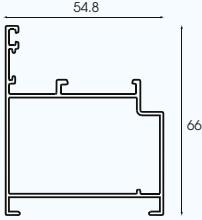
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

☎ 1900.0061

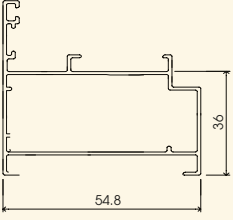
📍 nhomtruongthanh.vn

HỆ THỐNG SẢN PHẨM

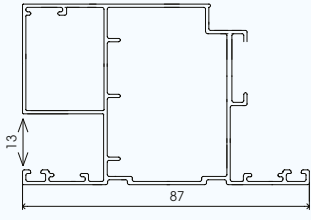
HỆ XF GOLD DOOR LIỀN SẬP



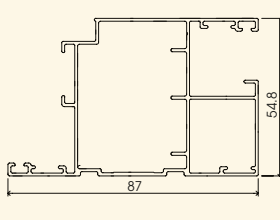
KHUNG CỬA ĐI	
Mã số	XF 3328
Độ dày 1 ly	4.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.2kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.42kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	7.18kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



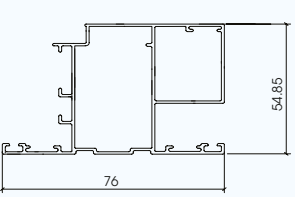
KHUNG BAO DỪNG CHUNG	
Mã số	KB60K
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	6.524kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



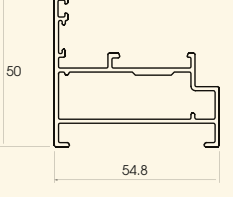
CÁNH ĐI MỞ NGOÀI LIỀN SẬP	
Mã số	XF 3303K
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	6.396kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



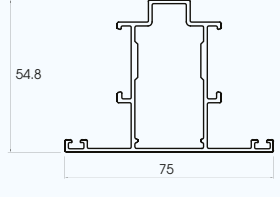
CÁNH ĐI MỞ TRONG LIỀN SẬP	
Mã số	XF 3332K
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	6.44kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



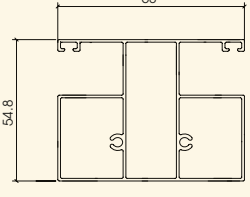
CÁNH SỔ LIỀN SẬP	
Mã số	XF 3202K
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	5.815kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



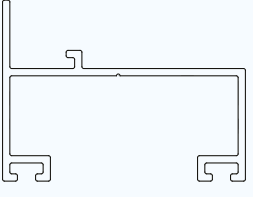
KHUNG CỬA SỔ	
Mã số	XF 3318
Độ dày 1.0 ly	4.02kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.57kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.03kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



ĐỔ CHIA KHUNG CỬA ĐI T KHUNG	
Mã số	XF 3313
Độ dày 1.0 ly	5.2kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



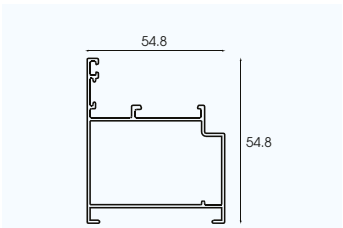
ĐỔ CHIA CÁNH LIỀN SẬP	
Mã số	XF 3203K
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	6.532kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



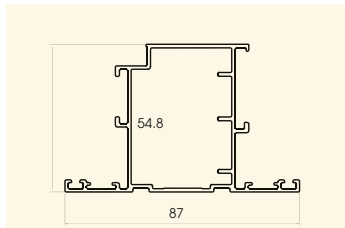
ỐP CHÂN L	
Mã số	XF 3329L
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	2.388kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó

HỆ THỐNG SẢN PHẨM

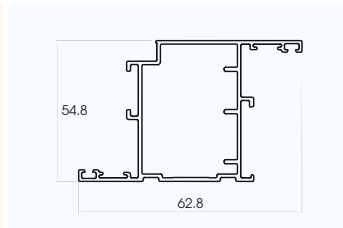
HỆ XF GOLD DOOR



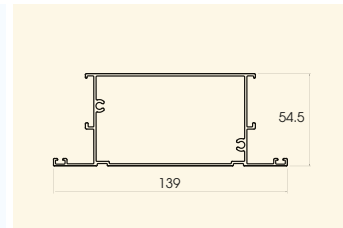
KHUNG CỬA ĐI	
Mã số	XF 3328
Độ dày 1 ly	4.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.808kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.382kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	7.073kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



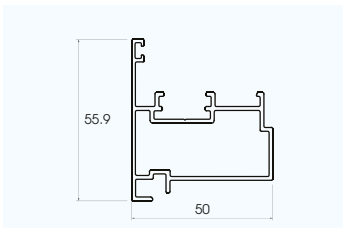
CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI	
Mã số	XF 3303
Độ dày 1 ly	5.9kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	6.2kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.524kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	8.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



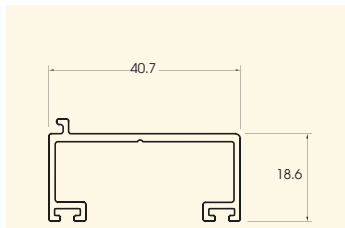
CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG	
Mã số	XF 3332
Độ dày 1 ly	6.0kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	6.5kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.724kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	8.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



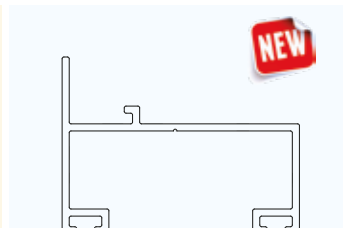
THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI	
Mã số	XF 3304
Độ dày 1.2 ly	7.83kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	8.74kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	11.6kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



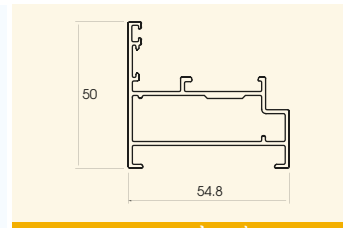
ĐỔ ĐỘNG CÁNH CỬA ĐI	
Mã số	XF 2903
Độ dày 1.2 ly	4.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.138kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



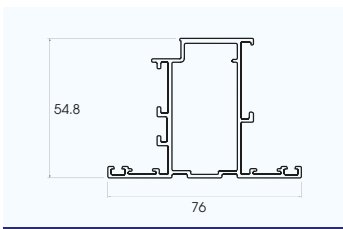
ỐP CHÂN XFA	
Mã số	XF 3329
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	2.388mm(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



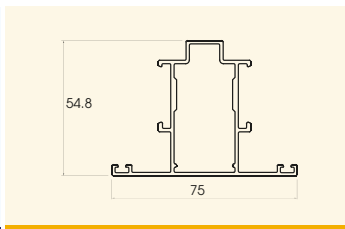
XF 3329L	
Mã số	XF 3329L
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	2.388mm(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



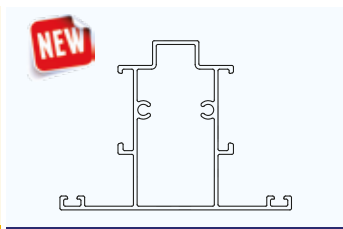
KHUNG CỬA SỐ	
Mã số	XF 3318
Độ dày 1.0 ly	3.97kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	4.932kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



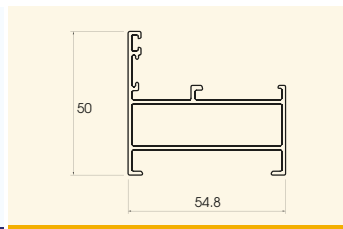
CÁNH CỬA SỐ	
Mã số	XF 3302
Độ dày 1.0 ly	5.0kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.7kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



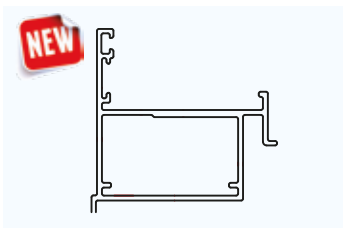
ĐỔ CHIA KHUNG CỬA ĐI	
Mã số	XF 3313
Độ dày 1.0 ly	4.91kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.9kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



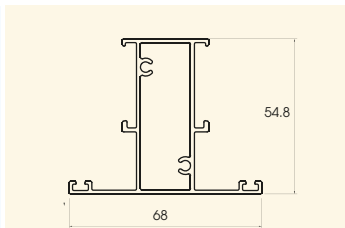
XF 3313V	
Mã số	XF 3313V
Độ dày 1.0 ly	4.91kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.9kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



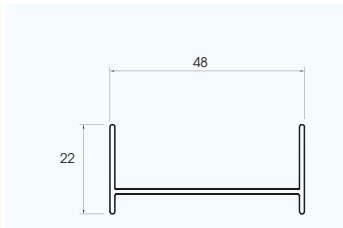
KHUNG VÁCH	
Mã số	XF 3209
Độ dày 1.2 ly	4.2kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	4.672kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



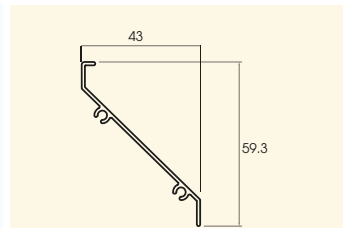
KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG	
Mã số	XF 3308
Độ dày 1.2 ly	4.2kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	4.672kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



T CHIA VÁCH	
Mã số	XF 3203
Độ dày 1.2 ly	5.1kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.530kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



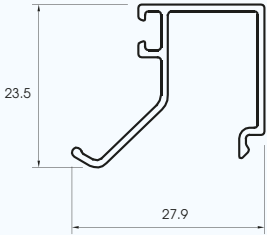
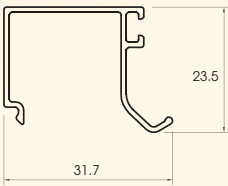
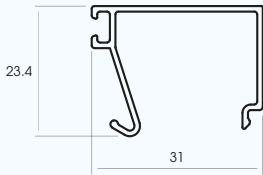
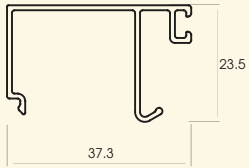
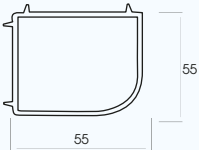
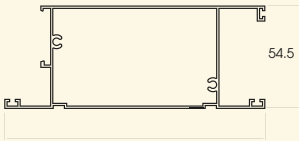
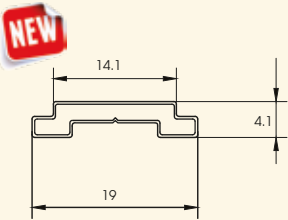
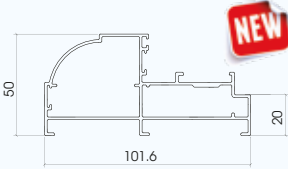
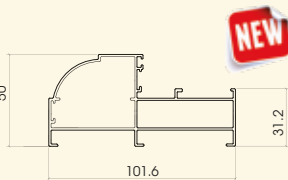
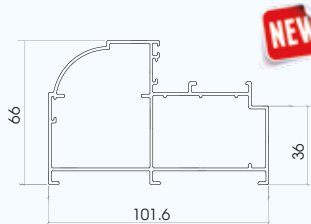
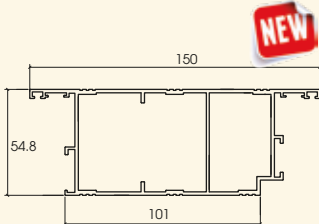
KHUNG BAO CHỚP	
Mã số	1283
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



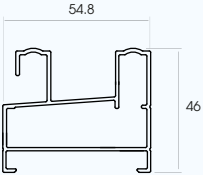
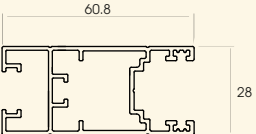
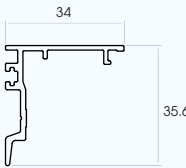
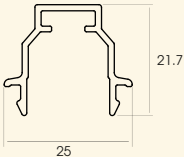
LÁ CHỚP TỌ	
Mã số	192
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.91kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó

HỆ THỐNG SẢN PHẨM

HỆ XF GOLD DOOR

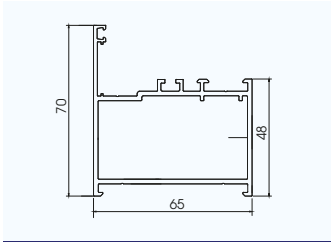
			
SẬP KHUNG KÍNH HỘP	SẬP CÁNH KÍNH HỘP	SẬP KHUNG	SẬP CÁNH
Mã số XF 3325	Mã số XF 3336	Mã số XF 3296	Mã số XF 3323
Độ dày 1.0 ly	Độ dày 1.0 ly	Độ dày 1.0 ly	Độ dày 1.0 ly
Tỷ trọng 1.30kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.38kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.41kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.62kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 12 thanh/bó	Quy cách đóng 12 thanh/bó	Quy cách đóng 12 thanh/bó	Quy cách đóng 12 thanh/bó
			
BỀ GÓC 90°	THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI	NỐI KHUNG	XÒ ĐẨY
Mã số XF 3326	Mã số XF 3304A	Mã số XF 3300	Mã số C 459
Độ dày 1.4 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.4 ly	Độ dày 1.4 ly
Tỷ trọng 4.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 8.9kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.75kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.116kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó
			
KHUNG CỬA SỔ BẦU BÀN 100	KHUNG VÁCH KÍNH BẦU BÀN 100	KHUNG CỬA ĐI BẦU BÀN 100	CÁNH BÀN TỌ 150
Mã số XF38038	Mã số XF38039	Mã số XF38019	Mã số C150
Độ dày 1.4 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày (1.4 ly) 9.36kg/5.9m(±5%)	Độ dày 1.8 ly
Tỷ trọng 8.16kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 7.33kg/6m(±5%)	Độ dày (2.0 ly) 12.49kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 13.526 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 1 thanh/bó

HỆ LÙA XINGFA

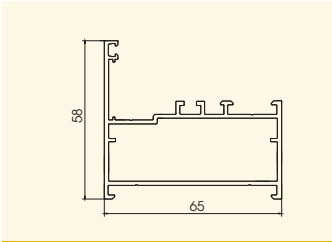
			
KHUNG BAO LÙA	CÁNH LÙA	ỐP LÙA	ĐỐI ĐẦU LÙA
Mã số D23151 - 1.2	Mã số D23156 - 1.2	Mã số D23157	Mã số D23158
Độ dày 1 ly 4.6kg/6m(±5%)	Độ dày 1 ly 4.6kg/6m(±5%)	Độ dày 1.3 ly	Độ dày 1.2 ly
Độ dày 1.2 ly 5.1kg/6m(±5%)	Độ dày 1.2 ly 5.1kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.07kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.332kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly 5.7kg/6m(±5%)	Độ dày 1.4 ly 5.7kg/6m(±5%)	Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó		

MẶT CẮT PROFILE

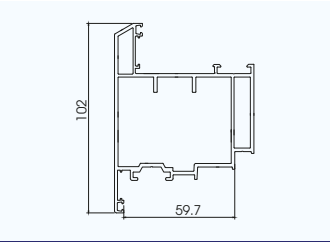
CỬA MỞ QUAY HỆ **koco® 65**



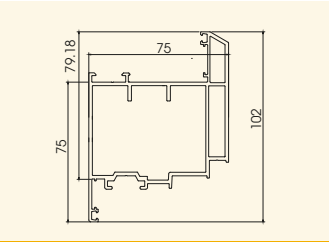
KHUNG BAO CỬA ĐI	
Mã số	K6501T
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	8.5kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



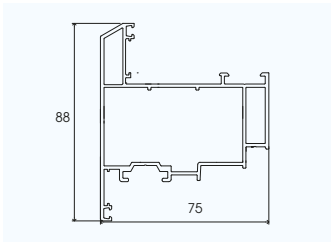
KHUNG BAO CỬA SỐ	
Mã số	K6502T
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	6.5kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



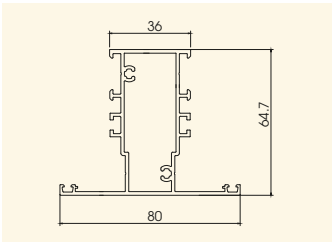
CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI	
Mã số	K6503T
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	12.8kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



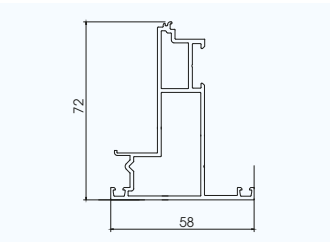
CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG	
Mã số	K6504T
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	12.8kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



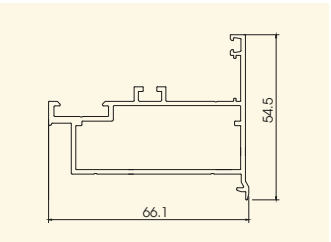
CÁNH CỬA SỐ	
Mã số	K6505T
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	9.6kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



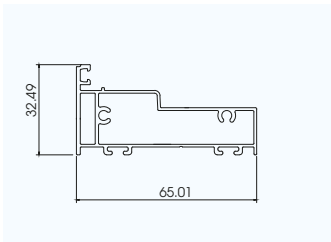
ĐỒ CHIA KHUNG	
Mã số	K6506
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	8.4kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



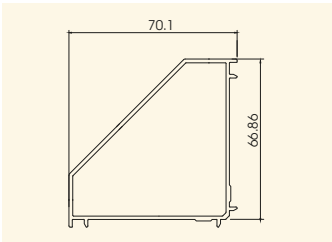
ĐỒ ĐỘNG	
Mã số	K6507T
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	7.0kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



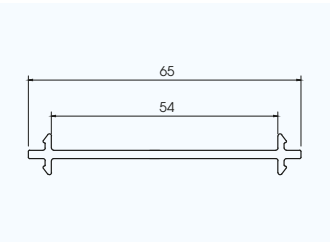
KHUNG ĐẢO CHIỀU	
Mã số	K6508
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	6.1kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



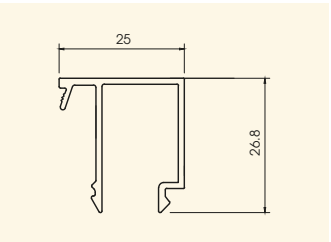
ỐP CHÂN CÁNH	
Mã số	K6509
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.5kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



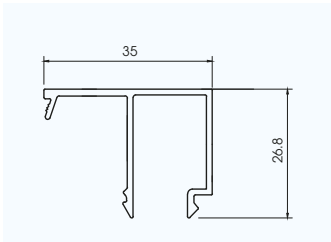
GHÉP GÓC	
Mã số	K6510
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	6.4kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



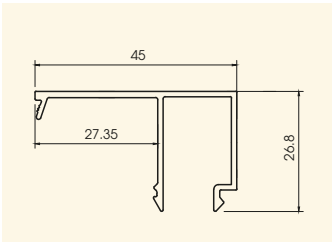
I NỐI KHUNG	
Mã số	K6511
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	2.7kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



SẬP KÍNH HỢP KHE KÍNH 35MM	
Mã số	K6512
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.732kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



SẬP KÍNH HỢP KHE KÍNH 25MM	
Mã số	K6513
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.96kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



SẬP KÍNH HỢP KHE KÍNH 15MM	
Mã số	K6514
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	2.186kg/6m
Quy cách đóng	2 thanh/bó



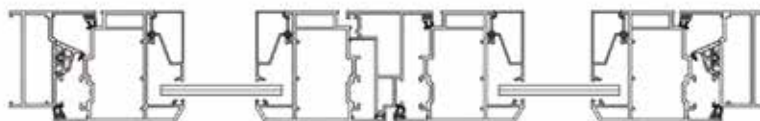
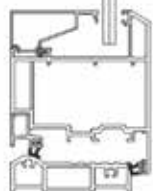
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

HỆ THỐNG LẮP GHÉP

CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ QUAY HỆ **koco**® 65



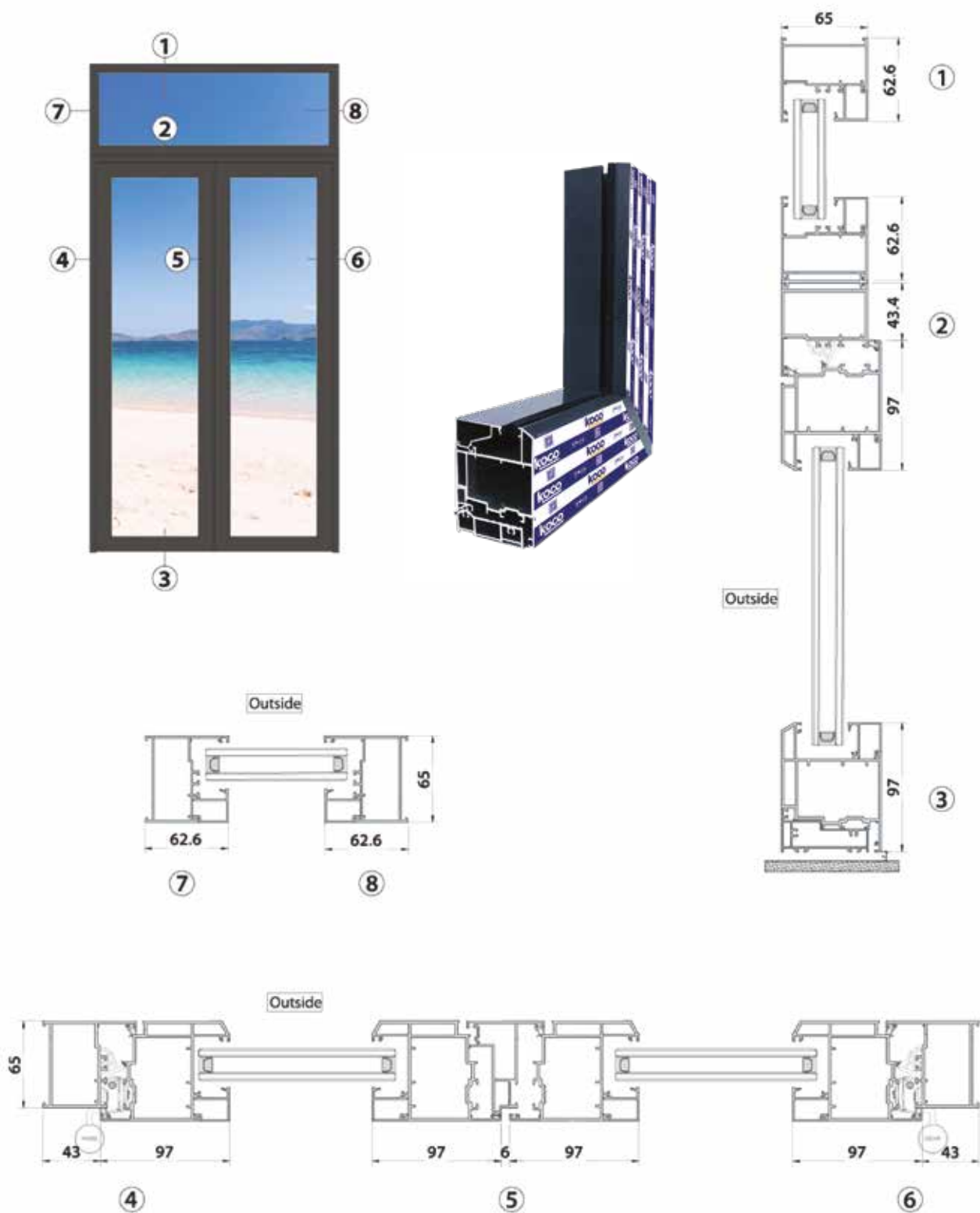
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

HỆ THỐNG LẮP GHÉP

CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ QUAY HỆ **KOCO**® 65



NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

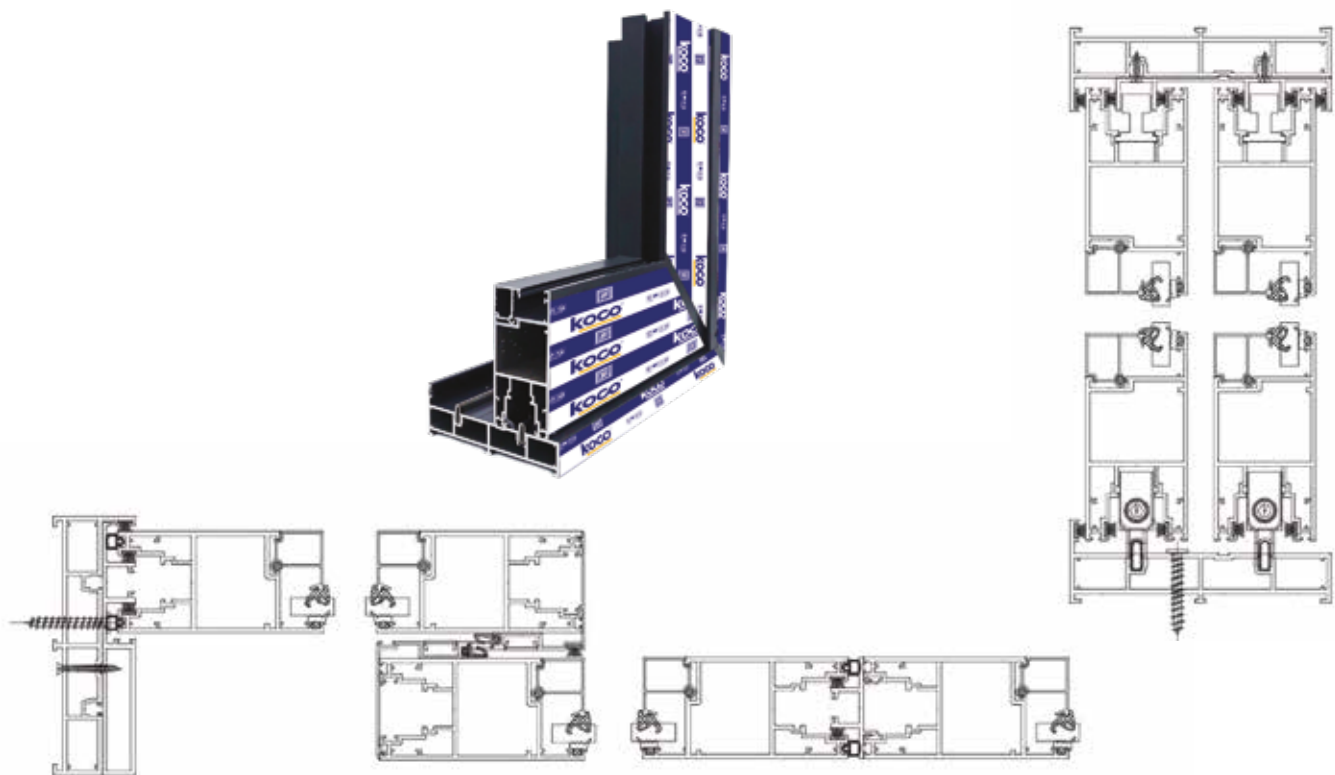
MẶT CẮT PROFILE CỬA LÙA HỆ **koco®** 120

KHUNG BAO	RAY DƯỚI BÀN THẤP	RAY DẪN HƯỚNG	ỐP BÊN CÁCH NGOÀI
Mã số K12001	Mã số K12002	Mã số K12003	Mã số K12004
Độ dày 2.0 ly	Độ dày 2.0 ly	Độ dày 2.0 ly	Độ dày 2.0 ly
Tỷ trọng 12.3kg/6m(5%)	Tỷ trọng 9.4kg/6m	Tỷ trọng 5.5kg/6m	Tỷ trọng 8.5kg/6m
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó

ỐP BÊN CÁCH TRONG	CÁCH LÙA	ỐP MÓC	ĐỐI ĐẦU
Mã số K12005	Mã số K12006	Mã số K12007	Mã số K12008
Độ dày 2.0 ly	Độ dày 2.0 ly	Độ dày 1.4 ly	Độ dày 2.0 ly
Tỷ trọng 8.3kg/6m	Tỷ trọng 12.2kg/6m	Tỷ trọng 2.838kg/6m	Tỷ trọng 2.848kg/6m
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó

KHUNG BAO FIX	ĐỔ T CHIA FIX	SẬP KHE 18	SẬP KHE 35
Mã số K12009	Mã số K12010	Mã số K12011	Mã số K12012
Độ dày 1.6 ly	Độ dày 2.0 ly	Độ dày 1.0 ly	Độ dày 1.0 ly
Tỷ trọng 9.4kg/6m	Tỷ trọng 6.7kg/6m	Tỷ trọng 1.5kg/6m	Tỷ trọng 1.176kg/6m
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó

HỆ THỐNG LẮP GHÉP CỬA LÙA HỆ **KOCO**® 120



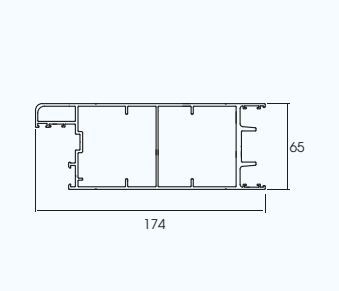
**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

1900.0061

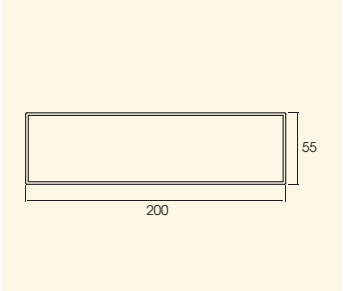
nhomtruongthanh.vn

HỆ THỦY LỰC XF

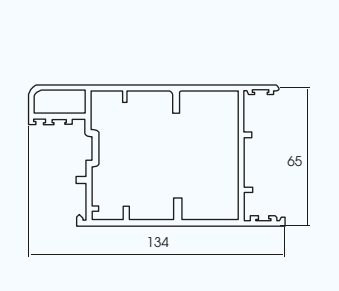
GOLD DOOR



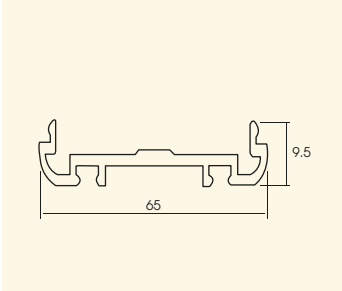
CÁNH THỦY LỰC 180	
Mã số	TT5-TL-01C
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	21.24kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	1 thanh/bó



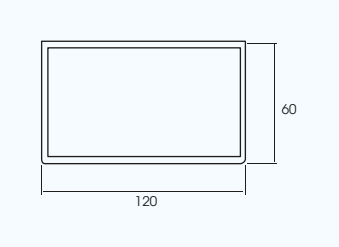
KHUNG THỦY LỰC 200	
Mã số	TT-H55X200
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	16.25kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	1 thanh/bó



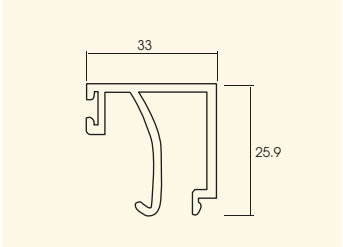
CÁNH THỦY LỰC	
Mã số	TL 01
Độ dày	2ly
Tỷ trọng	15.48kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	1 thanh/bó



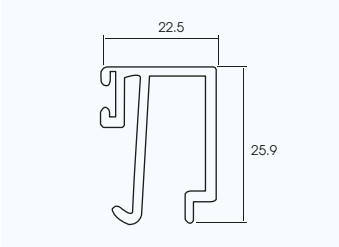
ỐP CÁNH	
Mã số	TL 02
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.332kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



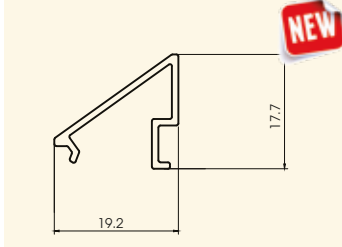
KHUNG BAO	
Mã số	TL 03
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	11.148kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	1 thanh/bó



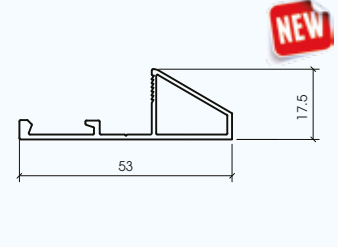
SẬP CÁNH	
Mã số	TL 04
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.418kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



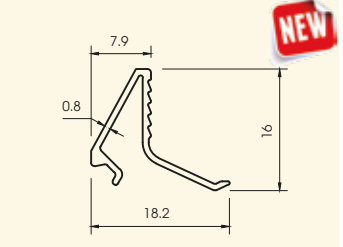
KÍNH HỘP	
Mã số	TL 05
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.142kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



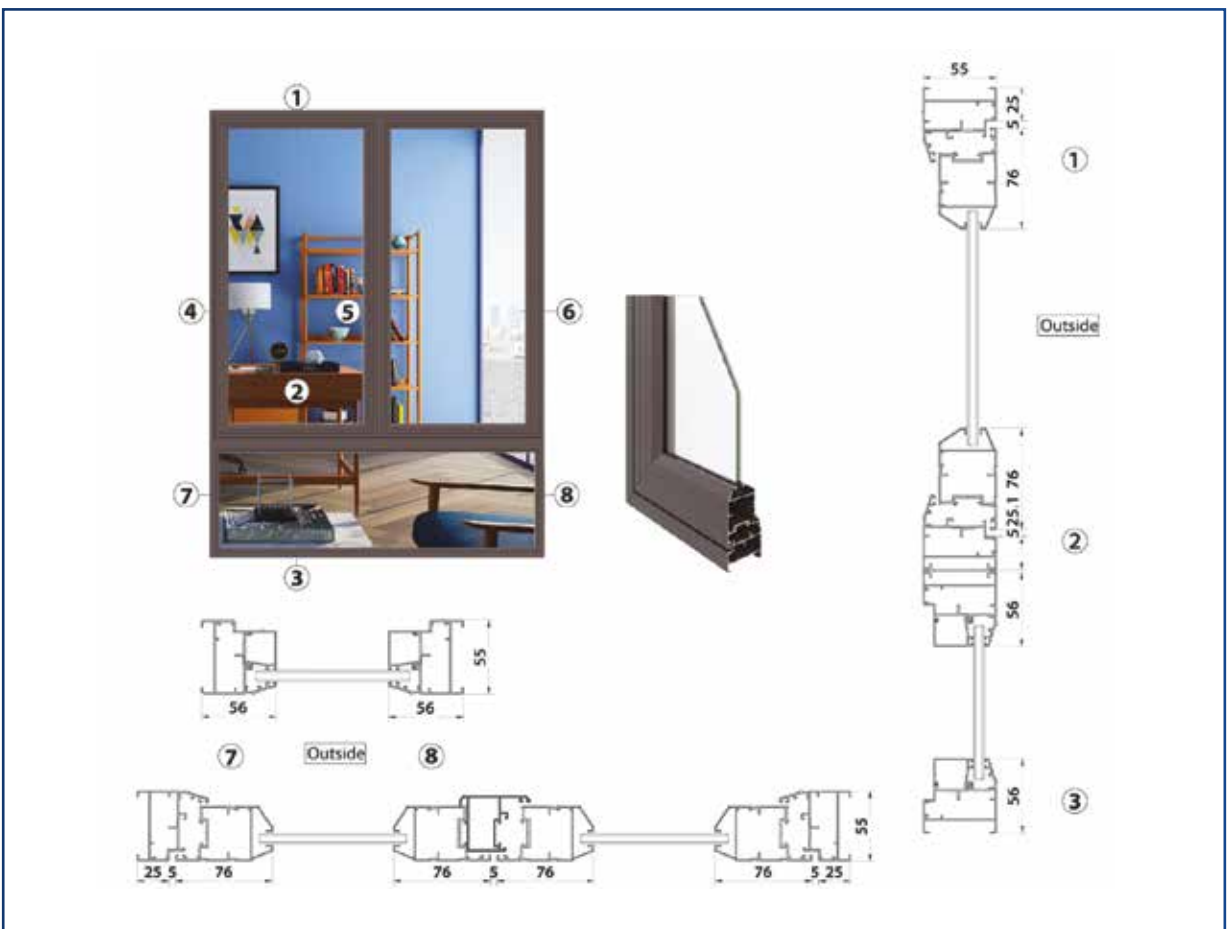
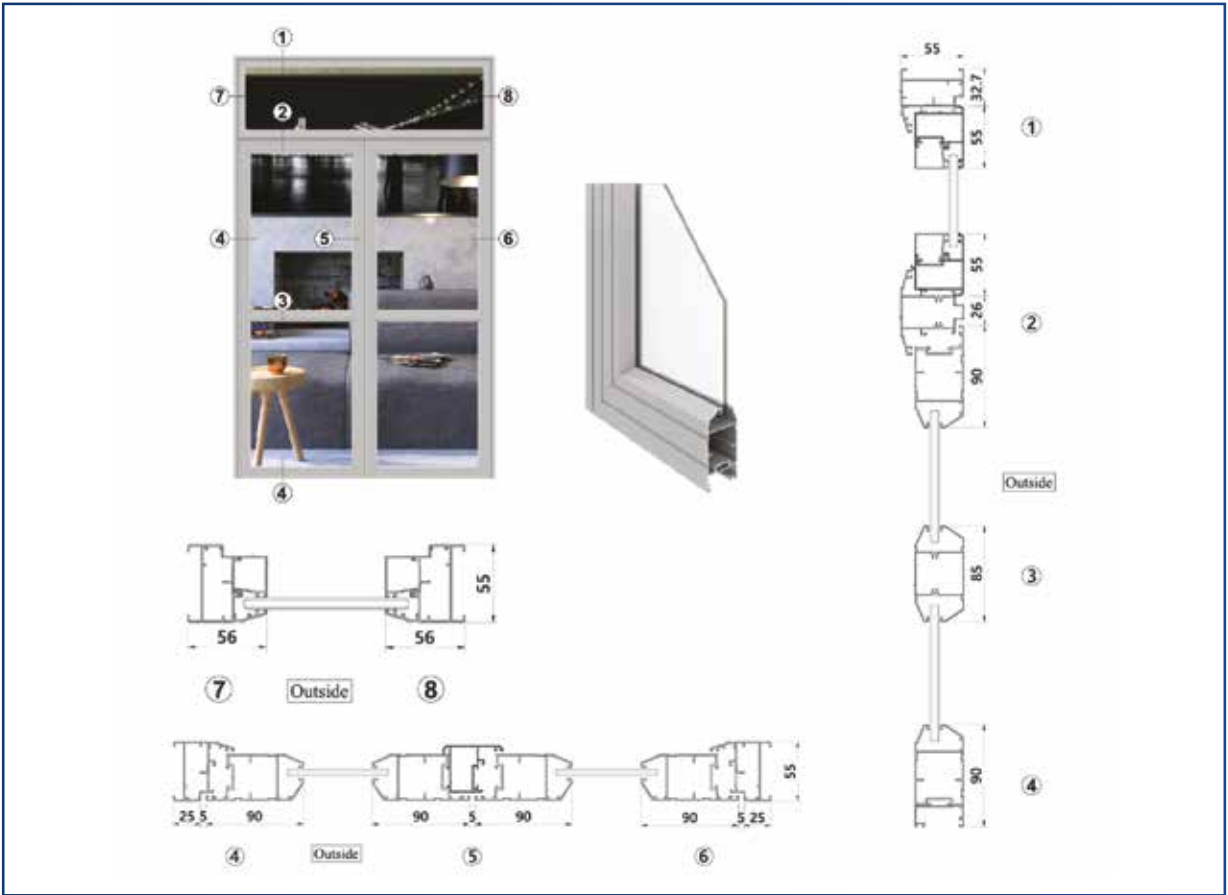
SẬP CÁI TIẾN	
Mã số	TL06CT
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.813kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó

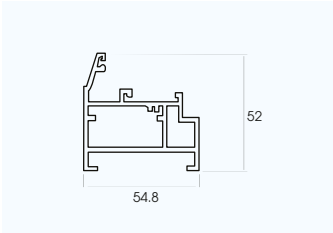


ĐẾ CÁI TIẾN	
Mã số	TL07CT
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	2.023 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó

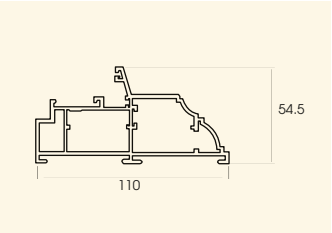


SẬP VÁCH KÍNH HỘP	
Mã số	XF C1779
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	0.588 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó

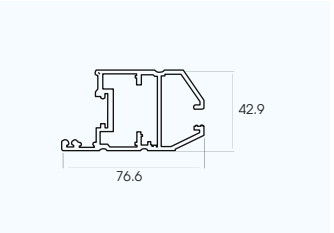




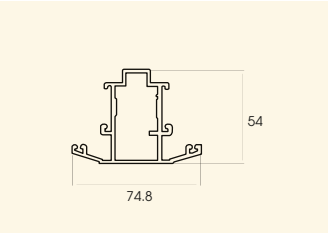
KHUNG BAO CỬA	
Mã số	TT PMA 8801
Độ dày 0.8 ly	3.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.6kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



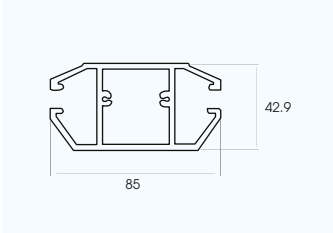
KHUNG BAO CỬA ĐI	
Mã số	TT 8801 DA
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	6.4kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



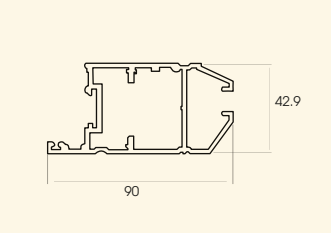
CÁNH CỬA SỔ LIÊN SẬP	
Mã số	TT PMA 8802
Độ dày 0.8 ly	3.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.7kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



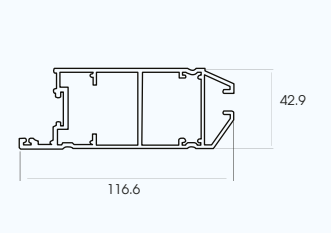
ĐỐT KHUNG BAO	
Mã số	TT PMA 8809
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



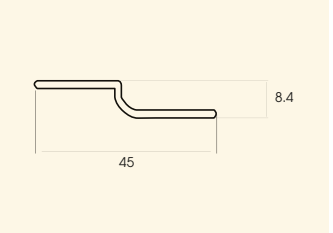
ĐỐ CÁNH CỬA ĐI	
Mã số	TT PMA 8804
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



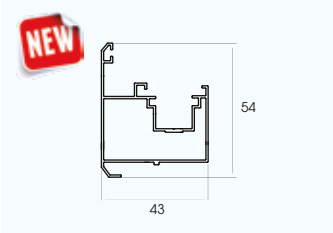
CÁNH CỬA ĐI LIÊN SẬP	
Mã số	TT PMA 8805
Độ dày 0.8 ly	4.6kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



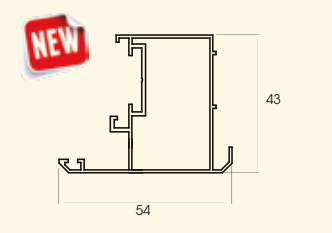
CÁNH CỬA ĐI	
Mã số	TT PMA 8806
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	7.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



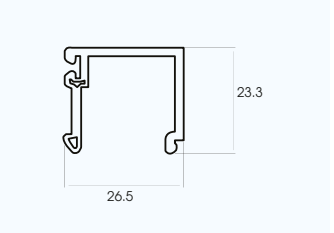
CHẢN NƯỚC LỬA	
Mã số	TT PMA 8826
Độ dày 1.4 ly	1 ly
Độ dày 2 ly	0.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



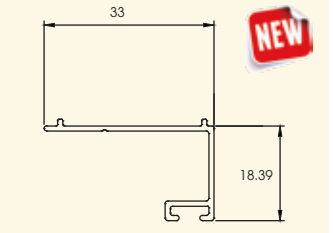
ĐỒ ĐỘNG SÂU	
Mã số	8812C
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.395kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



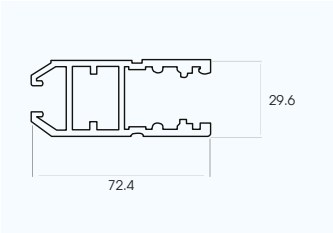
ĐỒ ĐỘNG VỪA	
Mã số	8812D
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.252kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



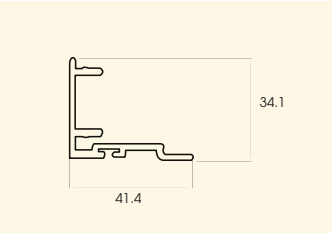
SẬP VUÔNG KHUNG BAO	
Mã số	TT PMA 8820
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.37kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	18 thanh/bó



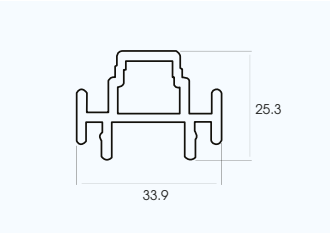
ỐP CHÂN CẢI TIẾN	
Mã số	8821D
Độ dày 1.4 ly	1 ly
Độ dày 2 ly	1.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



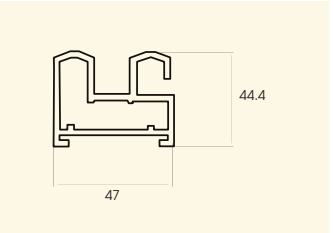
CÁNH CỬA LỬA	
Mã số	TT PMA 8823
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.13kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



MÓC CÁNH CỬA LỬA	
Mã số	TT PMA 8824
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.67kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó

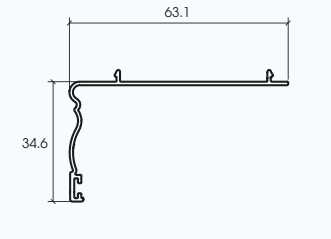


ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH LỬA	
Mã số	TT PMA 8825
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.05kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó

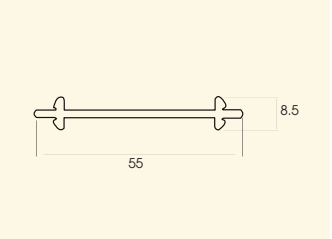


KHUNG BAO CỬA LỬA	
Mã số	TT PMA 8822
Độ dày 1.4 ly	1 ly
Độ dày 2 ly	3.1kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

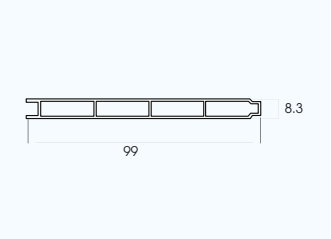
HỆ XF GM55



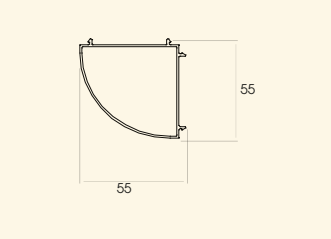
PHÀO RỜI ỐP NGOÀI	
Mã số	TT-8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



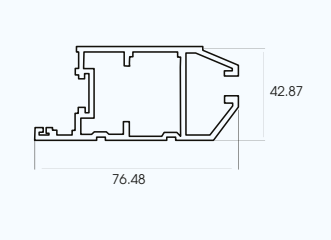
NỔI KHUNG BAO	
Mã số	TT PMA 8827
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



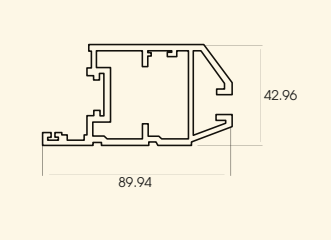
LÁ HỘP	
Mã số	TT PMA 8828
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



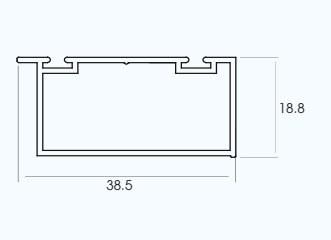
BỀ GÓC 90°	
Mã số	TT PMA 8829
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.116kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



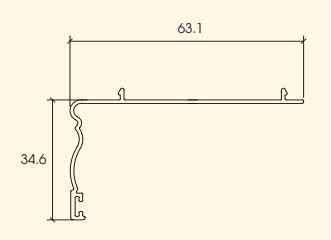
CÁNH CỬA SỔ (CS03)	
Mã số	TT PMA CS03
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



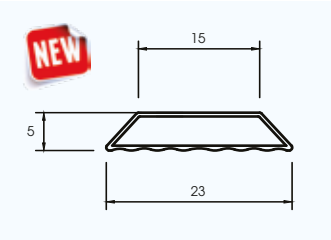
CÁNH CỬA ĐI (CD03)	
Mã số	TT PMA CD03
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	6.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



THANH ĐÁY CỬA ĐI	
Mã số	8821C
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.22kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	8 thanh/bó

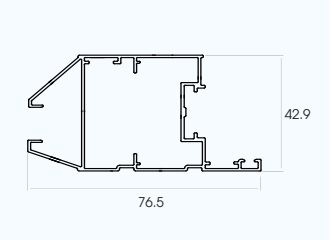


PHÀO KHUNG RỜI	
Mã số	TT-8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.861kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

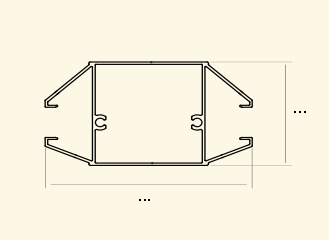


TRANG TRÍ KÍNH	
Mã số	C0555
Độ dày	0.5 ly
Tỷ trọng	3.399kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

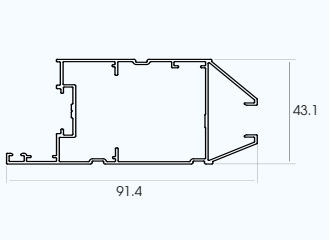
HỆ YANGLI



CÁNH CỬA SỔ	
Mã số	TT5 VW165
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.45 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



ĐỔ CHIA CÁCH	
Mã số	TT5 - VW166
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	5.0 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



CÁNH CỬA ĐI	
Mã số	TT5 - VW167
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	5.1 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

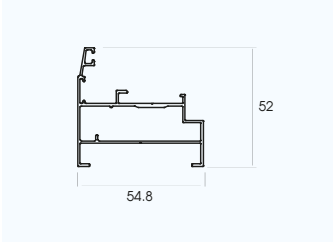


NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

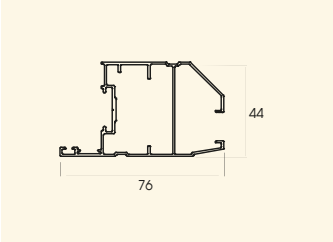
☎ 1900.0061

🌐 nhomtruongthanh.vn

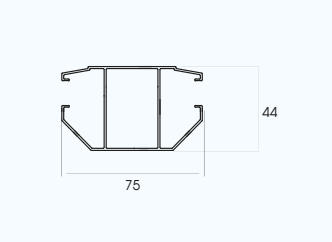
HỆ XF GD55



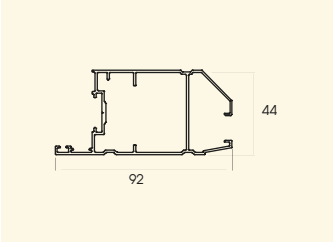
KHUNG BAO CỬA	
Mã số	GD 5501
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.6kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



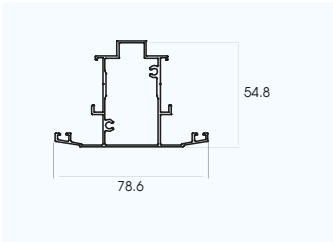
CÁNH CỬA SỔ LIÊN SẬP	
Mã số	GD 5502
Độ dày	1ly
Tỷ trọng	4.1kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



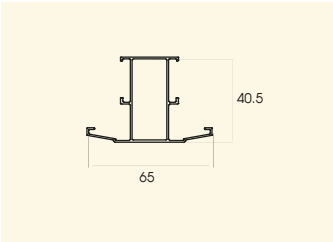
T CHIA CÁNH	
Mã số	GD 5504
Độ dày	1ly
Tỷ trọng	4.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



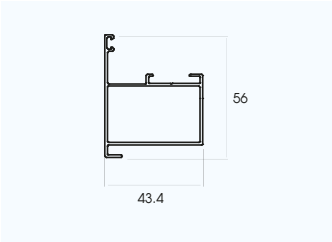
CÁNH CỬA ĐI LIÊN SẬP	
Mã số	GD 5505
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



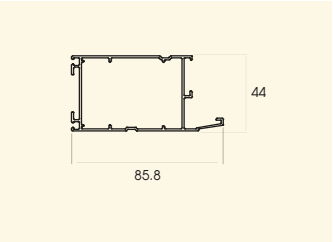
ĐỐ T KHUNG BAO	
Mã số	GD 5508A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.99kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



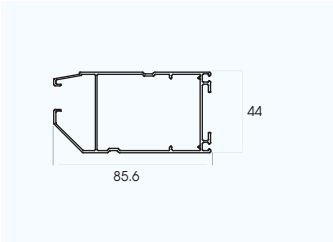
ĐỐ T CÁNH CỬA	
Mã số	GD 5509A
Độ dày	1ly
Tỷ trọng	3.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



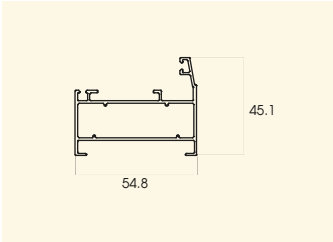
ĐỒ ĐỘNG BĂNG	
Mã số	GD 5510
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



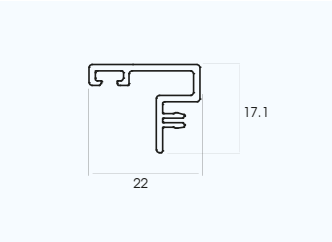
CÁNH CỬA ĐI 450	
Mã số	GD 5511
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	51kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



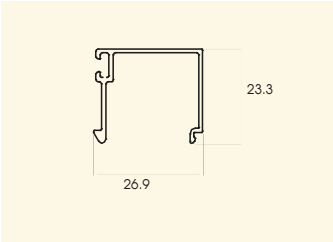
CÁNH CỬA ĐI 450 LIÊN SẬP	
Mã số	GD 5512
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



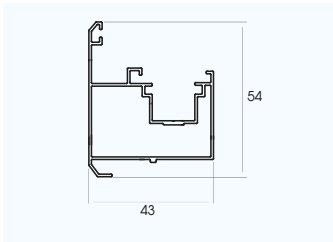
KHUNG BAO CỬA ĐI 450	
Mã số	GD 5513
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.84kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



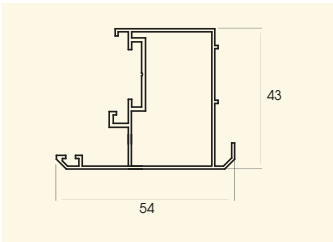
GỜ CÁNH CỬA ĐI 450	
Mã số	GD 5514
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.02kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	16 thanh/bó



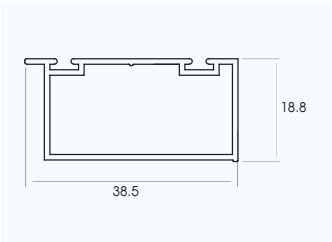
SẬP VUÔNG KHUNG BAO	
Mã số	GD 5518
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	18 thanh/bó



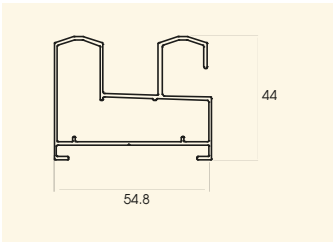
ĐỒ ĐỘNG SÂU	
Mã số	GD 5510C
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.395kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



ĐỒ ĐỘNG VỪA	
Mã số	GD 5510D
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.362kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó

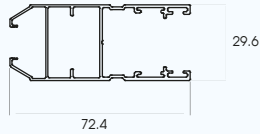


THANH CHẮN ĐÁY CỬA ĐI	
Mã số	GD 5519
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.56kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	24 thanh/bó

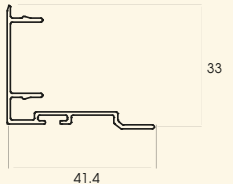


KHUNG BAO CỬA LỪA	
Mã số	GD 5520
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

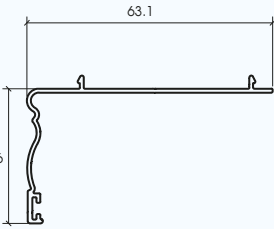
HỆ XF GD55



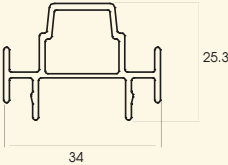
CÁNH CỬA LỬA	
Mã số	GD 5521
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	3.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



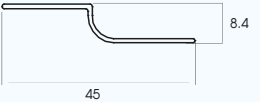
MÓC CÁNH CỬA LỬA	
Mã số	GD 5522
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.67kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



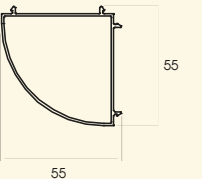
PHÀO RỜI ỐP NGOÀI	
Mã số	TT-8831
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.86kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



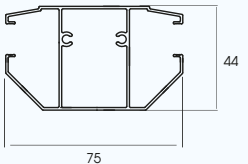
ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH LỬA	
Mã số	GD 5523
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.95kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



CHẤN NƯỚC LỬA	
Mã số	GD 5524
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.75kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó

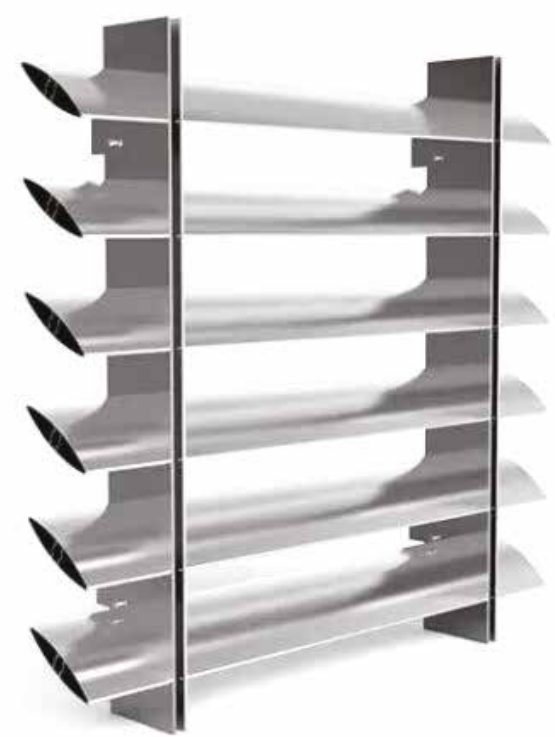


BỀ GÓC 90°	
Mã số	C3230
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.116kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



T CHIA CÁNH	
Mã số	GD 5504A
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

HỆ LAM CHẮN NẮNG TIÊU CHUẨN, HỆ HỘP

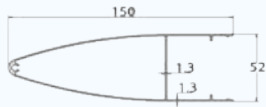


NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

☎ 1900.0061

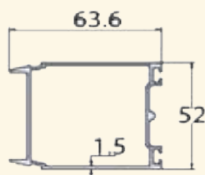
📍 nhomtruongthanh.vn

HỆ LAM CHẮN NẮNG TIÊU CHUẨN



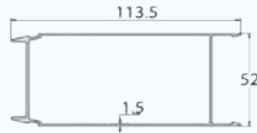
CHỚP ĐẦU ĐẠN

Mã số	DD2
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	1.411kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



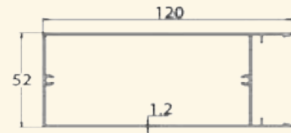
NỐI CHỚP ĐẦU ĐẠN

Mã số	DD3
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	1.091kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



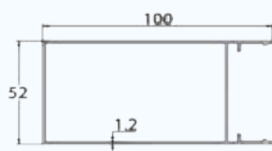
NỐI CHỚP ĐẦU ĐẠN

Mã số	DD4
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	1.378kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



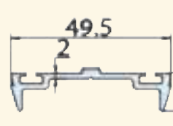
NAN CHỚP

Mã số	DD5
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.264kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



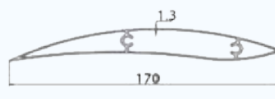
NAN CHỚP

Mã số	DD6
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.036kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



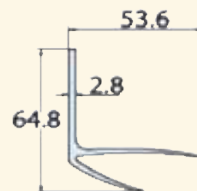
ĐẾ NAN

Mã số	MD 5201
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	0.495kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



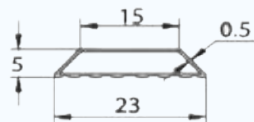
LAM LÁ LIỄU

Mã số	LCN001
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	1.477kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



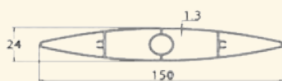
KHUNG LAM

Mã số	LCN002
Độ dày	2.8 ly
Tỷ trọng	0.852kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



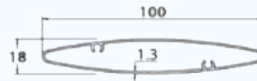
LAN TRANG TRÍ

Mã số	C0555
Độ dày	0.5 ly
Tỷ trọng	0.077kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



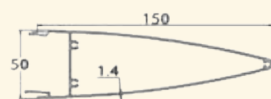
LAM CHẮN NẮNG ELIP

Mã số	LCN003
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	1.508kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



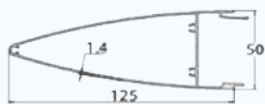
LAM CHẮN NẮNG ELIP

Mã số	LCN006
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	0.837kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



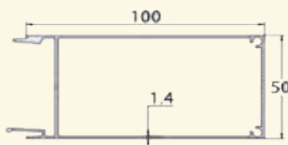
LAM CHẮN NẮNG

Mã số	LCN007
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.645kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



LAM CHẮN NẮNG

Mã số	LCN008
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.426kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



LAM CHẮN NẮNG

Mã số	LCN009
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.331kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó

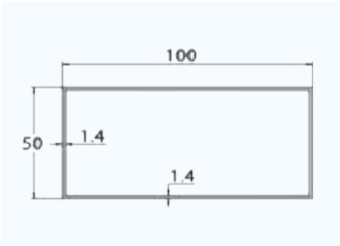


NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

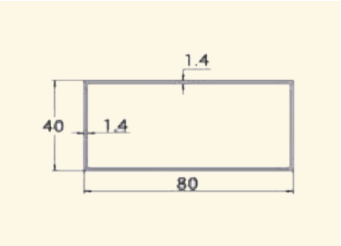
☎ 1900.0061

🌐 nhomtruongthanh.vn

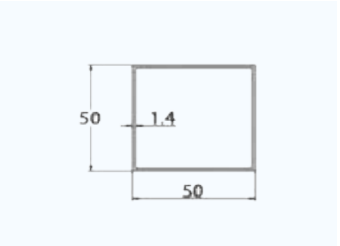
HỆ HỘP



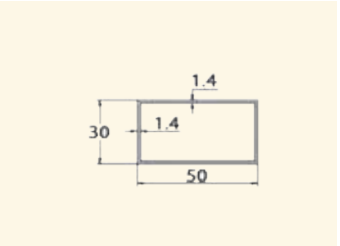
HỘP 50 X 100	
Mã số	H50100
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.146kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



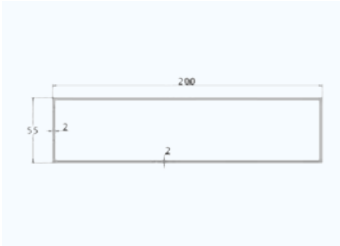
HỘP 40 X 80	
Mã số	H4080M14
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	0.905kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



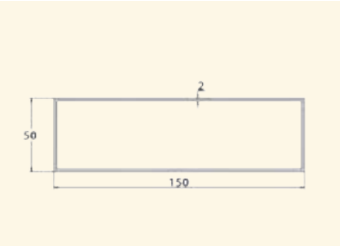
HỘP 50 X 50	
Mã số	H4050M14
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	0.754kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



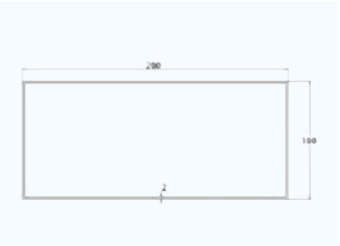
HỘP 30 X 50	
Mã số	H3050M14
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	0.593kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



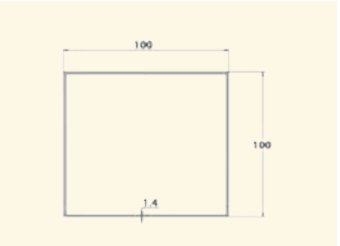
HỘP 50 X 200	
Mã số	H50200M20
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	2.789kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



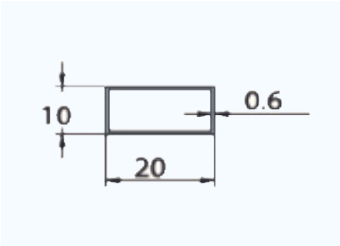
HỘP 50 X 150	
Mã số	H50150M20
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	2.227kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



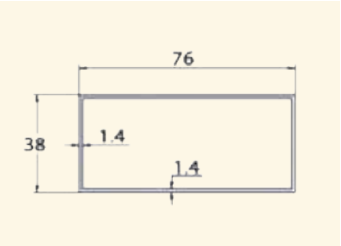
HỘP 100 X 200	
Mã số	H100200M20
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	3.256kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



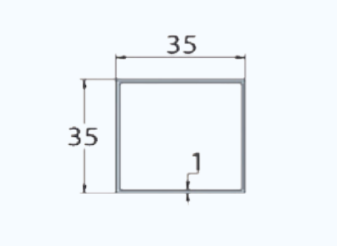
HỘP 100 X 100	
Mã số	1100
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.531kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



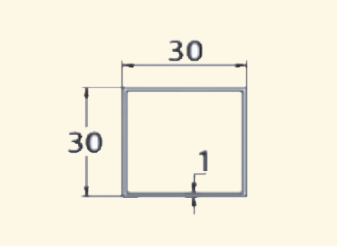
HỘP 10 X 20	
Mã số	H1020M06
Độ dày	0.6 ly
Tỷ trọng	0.099kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



HỘP 38 X 76	
Mã số	H3876M14
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	0.859kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó

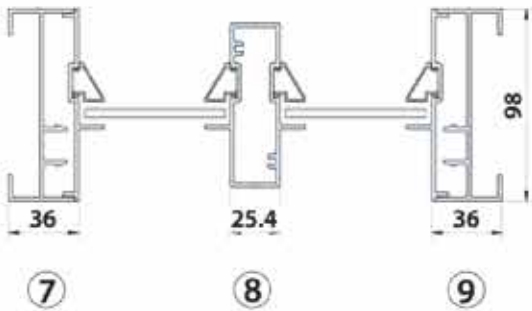
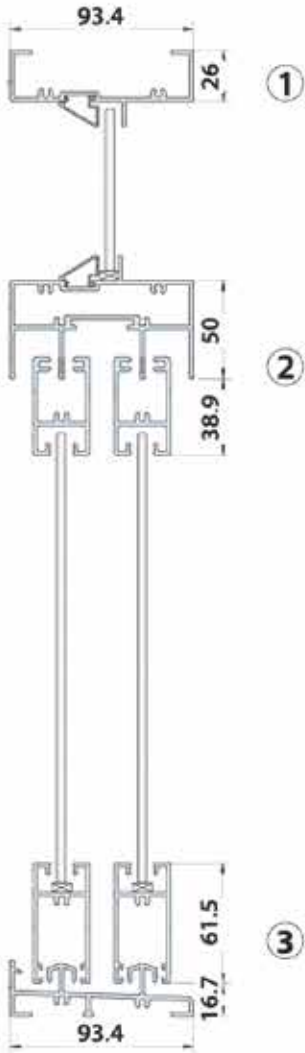


HỘP 35 X 35	
Mã số	H3535M10
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.387kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó



HỘP 30 X 30	
Mã số	H3030M10
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.328kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	... thanh/bó

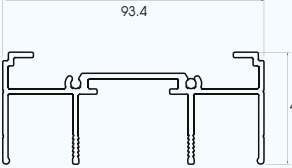
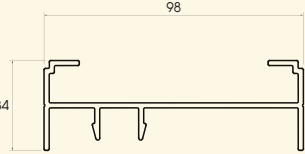
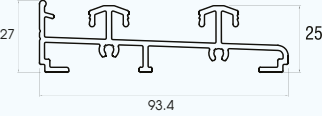
HỆ XF LÙA 93

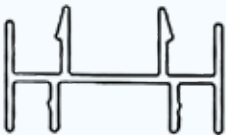
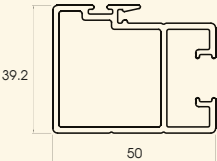
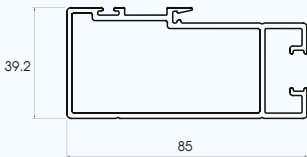
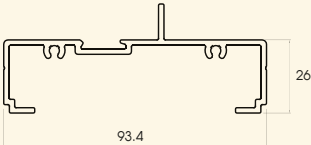


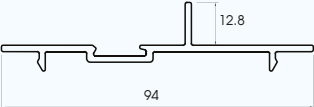
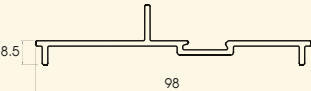
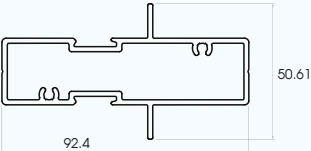
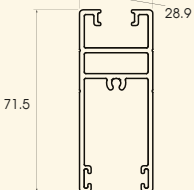
**NHÔM
TRƯỜNG THÀNH**

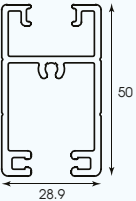
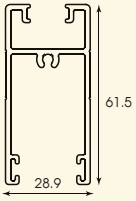
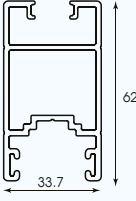
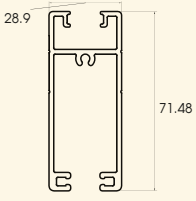
1900.0061

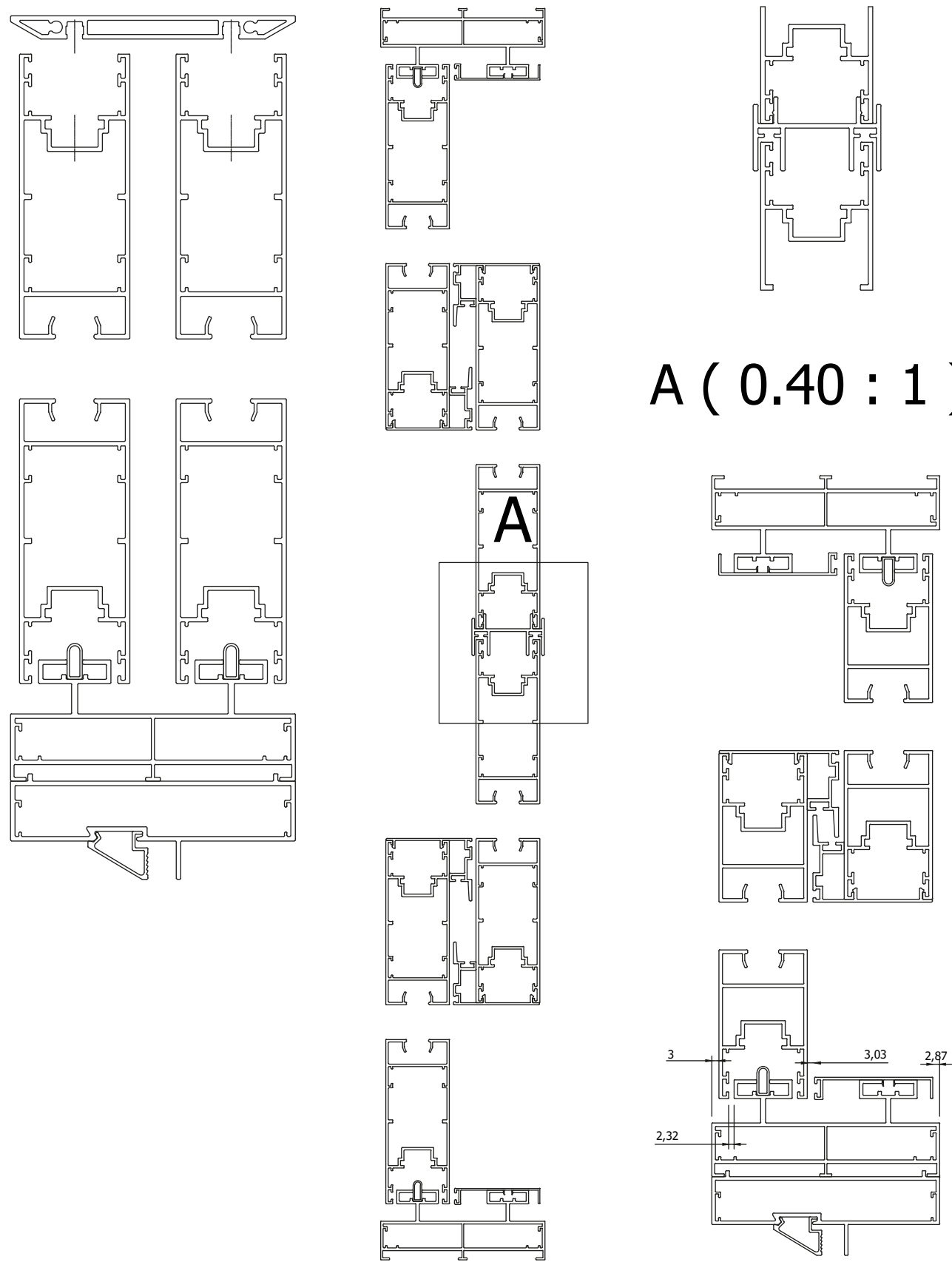
nhomtruongthanh.vn

			
KHUNG BAO NGANG TRÊN	KHUNG BAO ĐỨNG	KHUNG BAO NGANG DƯỚI	NẾP KÍNH
Mã số XF 1541	Mã số XF 1543	Mã số XF 1941	Mã số C101
Độ dày (1.2 ly) 6.0 kg/6m(± 5%)	Độ dày (1.2 ly) 4.8 kg/6m(± 5%)	Độ dày (1.2 ly) 6.5 kg/6m(± 5%)	Độ dày 0.9 ly
Độ dày (2.0 ly) 8.8 kg/6m(±5%)	Độ dày (2.0 ly) 6.7 kg/6m(±5%)	Độ dày (2.0 ly) 8.2 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.798 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 20 thanh/bó

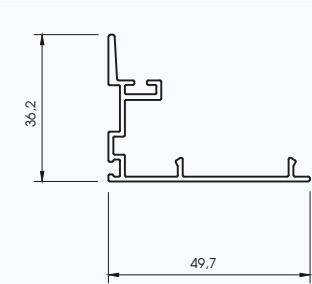
			
NẾP ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁCH	CÁCH ĐỨNG MÓC	CÁCH ĐỨNG MÓC TỌ	KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH
Mã số 1548A	Mã số XF 1547	Mã số XF 28127	Mã số XF 1559
Độ dày 1.4 ly	Độ dày 1.2 ly 4.6 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly	Độ dày 1.2 ly
Tỷ trọng 2.688 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly 6.316 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 8.578 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.6 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 8 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó

			
NỐI KHUNG VÁCH KÍNH	NỐI KHUNG VÁCH KÍNH	ĐỔ CỐ ĐỊNH CHO VÁCH KÍNH (XF 2618)	CÁCH NGANG DƯỚI BÊN NGOÀI (XF 1555)
Mã số XF 1578	Mã số XF 1549	Độ dày 1.2 ly 6.4 kg/6m(±5%)	Độ dày 1.2 ly 5.5 kg/6m(±5%)
Độ dày 1.2 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày 1.4 ly 6.7 kg/6m(±5%)	Độ dày 1.4 ly 5.5 kg/6m(±5%)
Tỷ trọng 2.8 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.9 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly 8.809 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly 7.183 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 6 thanh/bó	Quy cách đóng 6 thanh/bó	Quy cách đóng 3 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó

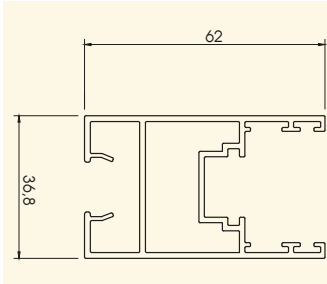
			
CÁCH NGANG TRÊN	CÁCH NGANG DƯỚI BÊN TRONG	CÁCH ĐỨNG BÊN (XF 1546)	CÁCH NGANG TRÊN
Độ dày 1.2 ly 4.5 kg/6m(±5%)	Mã số XF 1545	Độ dày 1.2 ly 5.5 kg/6m(±5%)	Mã số XF 26144
Độ dày 1.4 ly 4.5 kg/6m(±5%)	Độ dày 1.2 ly 4.7 kg/6m(±5%)	Độ dày 1.4 ly 6.0 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly
Độ dày 2 ly 5.764 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly 5.790 kg/6m(±5%)	Độ dày 2 ly 7.336 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 7.1 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó



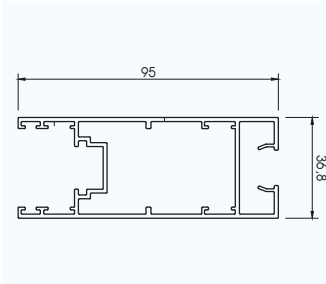
HỆ XF LÙA 95



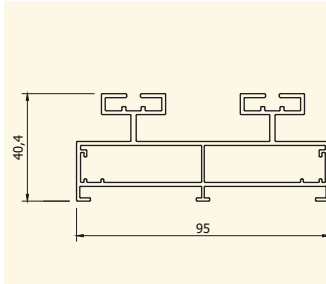
MÓC CỬA TRƯỢT	
Mã số	D950
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	2.48 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



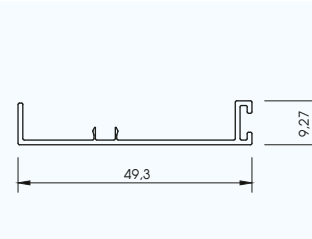
CÁNH ĐI CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9501
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	6.285 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



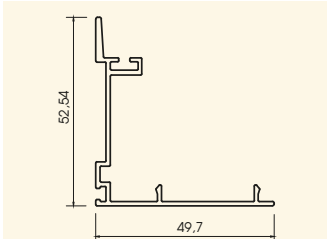
CÁNH ĐI CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9501B
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	8.193 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



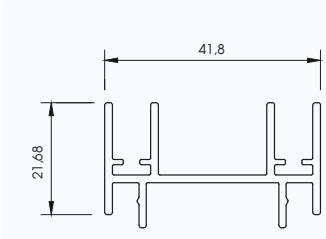
KHUNG BAO CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9502
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	9.061 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



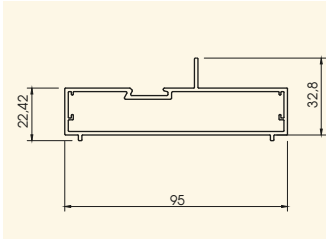
ỐP KHUNG CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9503
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.186 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



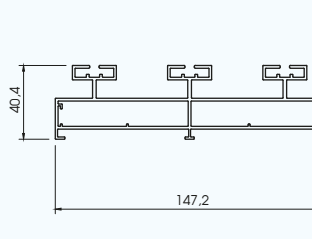
MÓC CỬA TRƯỢT LỚN	
Mã số	D9506B
Tỷ trọng	1.2 ly
Độ dày	2.773 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



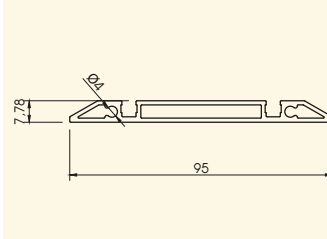
ĐỐI ĐẦU CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9507
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	3.3208 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



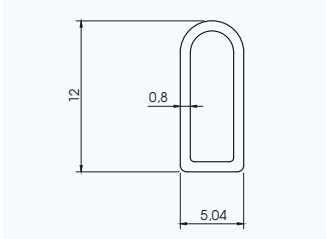
KHUNG FIX CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9519
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	6.267 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



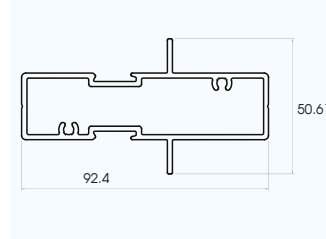
KHUNG BAO CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9520
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	13.867 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



KHUNG DƯỚI CỬA TRƯỢT	
Mã số	D9521
Độ dày	1.35 ly
Tỷ trọng	5.177 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó

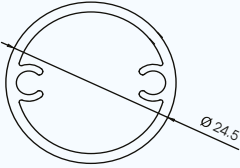
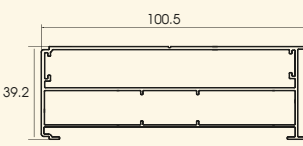
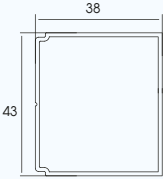
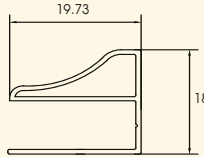


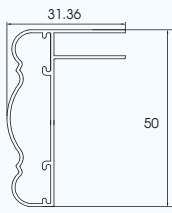
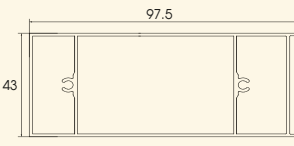
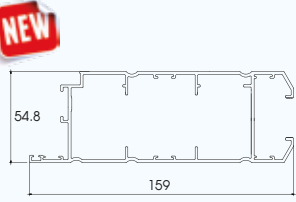
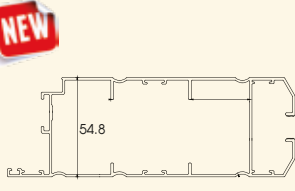
RAY TRƯỢT INOX	
Mã số	RAY INOX
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	1.113 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó

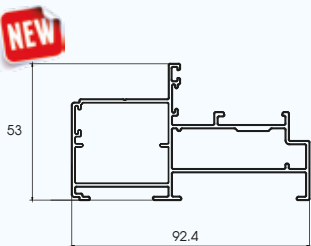


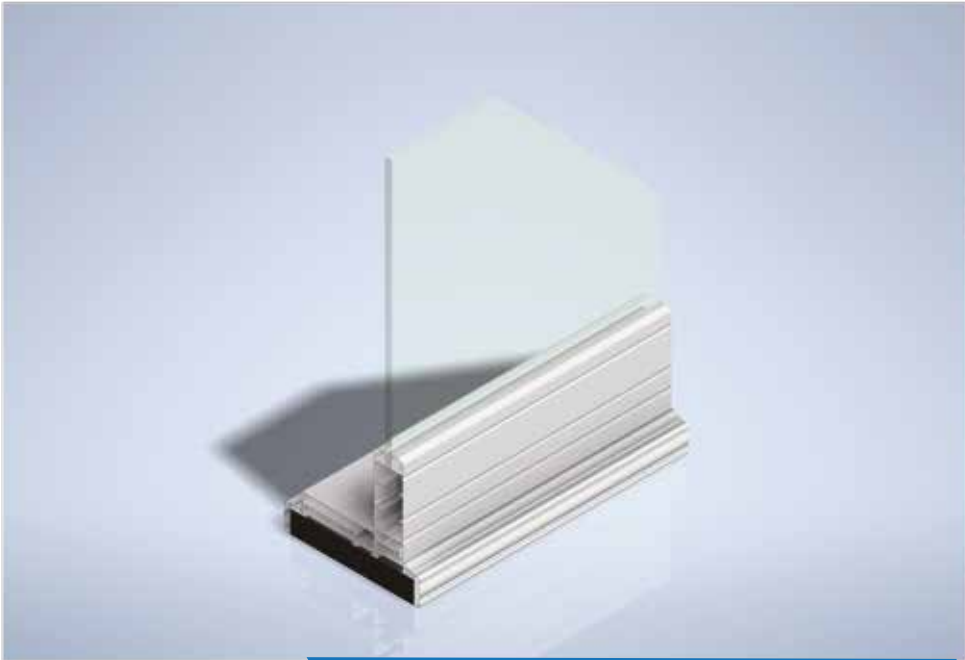
KHUNG FIX VÁCH KÍNH (XF 2618)	
Độ dày 1.2 ly	6.4 kg/6m(±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.7 kg/6m(±5%)
Độ dày 2 ly	8.809 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	3 thanh/bó

HỆ CHẤN SONG

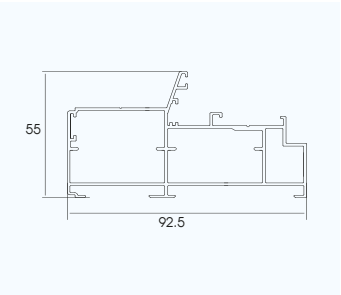
			
THANH CHẤN SONG	HỘP NỐI KHUNG	HỘP CHIA VÁCH	
Mã số TT-CS07	Mã số TT-CS08	Mã số TT-CS09	Mã số TT-CS04
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày 0.8 ly
Tỷ trọng 2.021kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 7.148kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.028kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.955kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 6 thanh/bó	Quy cách đóng 20 thanh/bó

			
PHÀO NẸP	NỐI VÁCH	CÁNH ĐI 160 KÍNH HỘP	
Mã số TT-CS05	Mã số TT-CS06	Mã số TT-XF3333	Mã số TT-XF3334
Độ dày 0.9 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày 1.8 ly	Độ dày 1.4 ly
Tỷ trọng 2.329kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 7.204kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 14.78kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 12kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó		

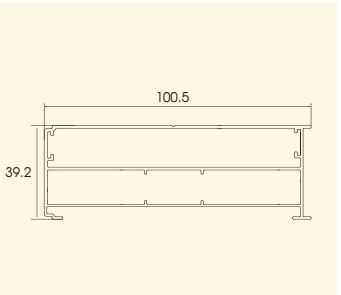

KHUNG HỘP TƯỜNG PHÀO
Mã số TT-XF3335
Độ dày 1.3 ly
Tỷ trọng 8.2kg/6m(±5%)



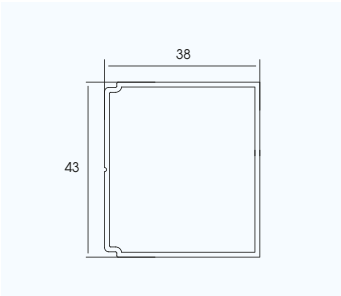
HỆ CHẮN SONG



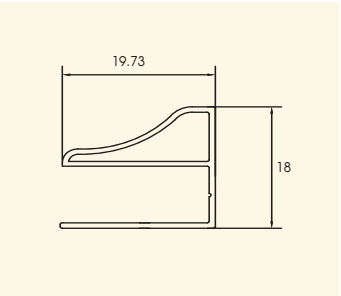
KHUNG CHÍNH	
Mã số	TT- CS01
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	7.564kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



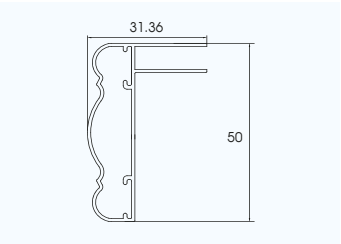
HỘP NỐI KHUNG	
Mã số	TT- CS08
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	7.148kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



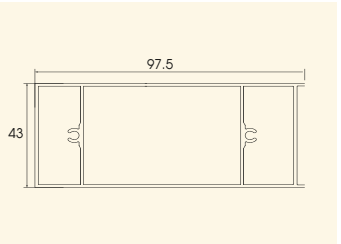
HỘP CHIA VÁCH	
Mã số	TT- CS09
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	3.028kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



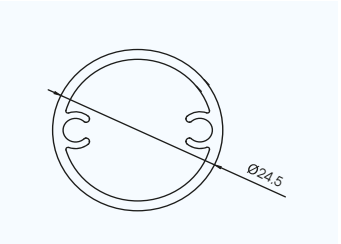
PHẪO U	
Mã số	TT- CS04
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	0.955kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



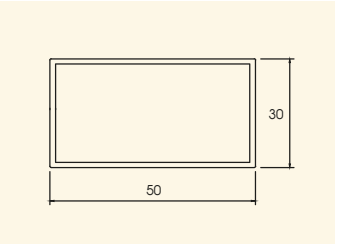
PHẪO NẸP	
Mã số	TT- CS05
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	2329kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



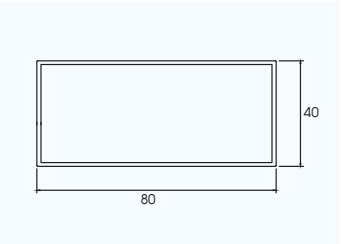
NỐI VÁCH	
Mã số	TT- CS06
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	7.204kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



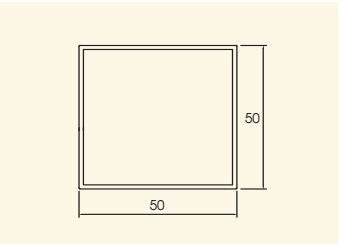
THANH CHẮN SONG	
Mã số	TT- CS07
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.021kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	10 thanh/bó



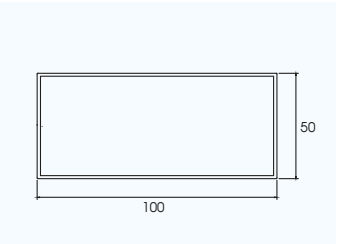
HỘP TRANG TRÍ 30 x 50	
Mã số	30 x 50
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	3.5kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



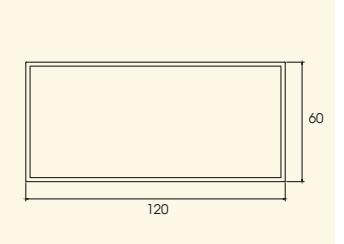
HỘP TRANG TRÍ 40 x 80	
Mã số	40 x 80
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	5.32kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



HỘP TRANG TRÍ 50 x 50	
Mã số	50 x 50
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	4.41kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



HỘP TRANG TRÍ 50 x 100	
Mã số	50 x 100
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	6.7kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



HỘP TRANG TRÍ 60 x 120	
Mã số	60 x 120
Độ dày	2.0 ly
Tỷ trọng	1.1.4kg/6m(± 5%)
Quy cách đóng	2 thanh/bó



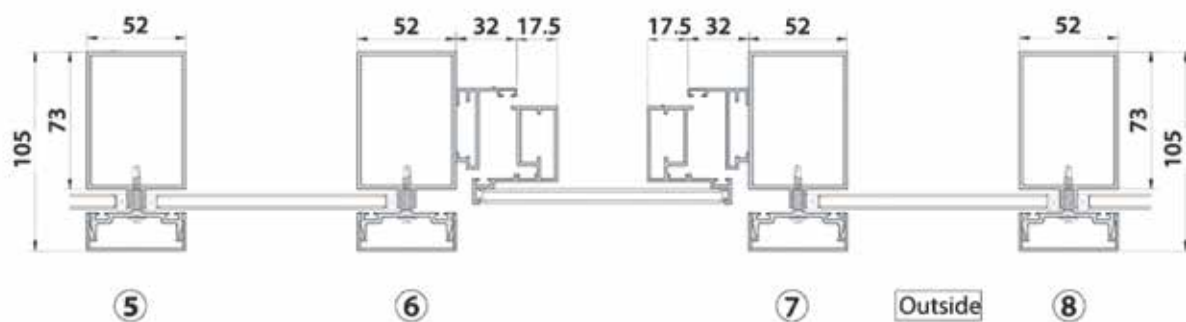
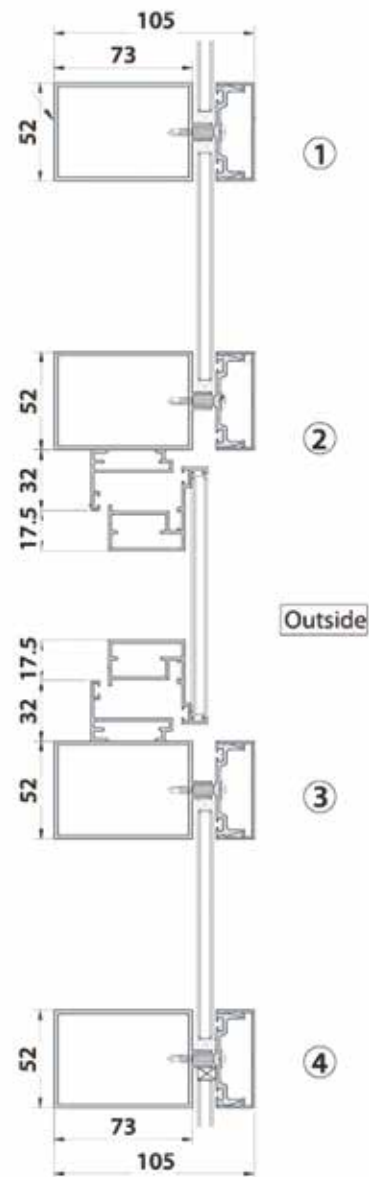
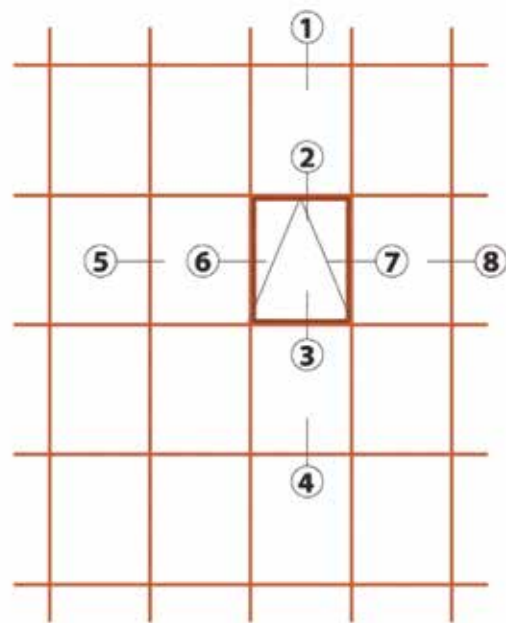
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

HỆ MẶT DỰNG

HỆ MẶT DỰNG 52



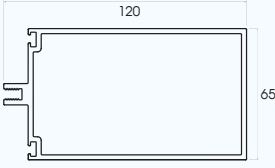
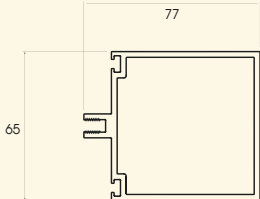
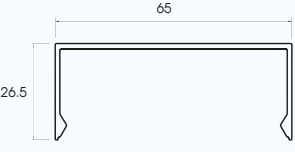
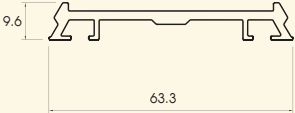
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

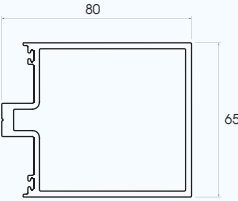
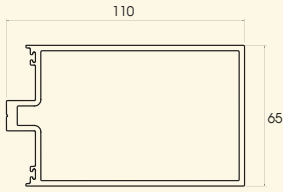
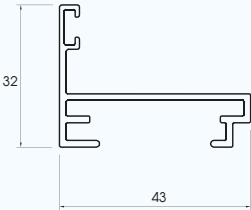
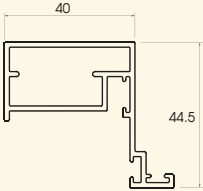
1900.0061

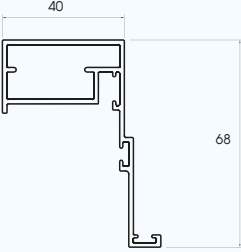
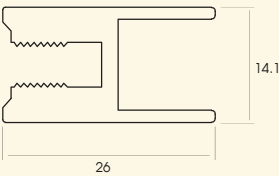
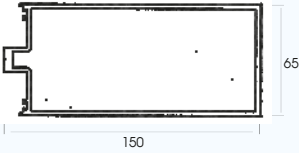
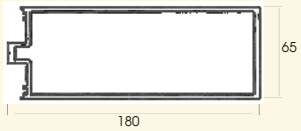
nhomtruongthanh.vn

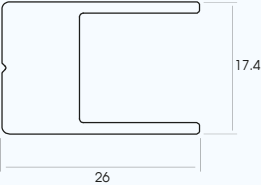
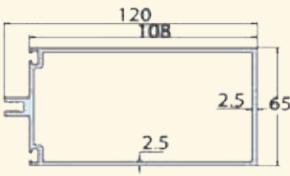
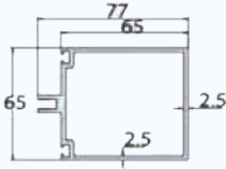
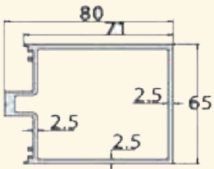
HỆ MẶT DỪNG

HỆ MẶT DỪNG 65

			
THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG	NẮP ĐẶT BÊN NGOÀI 65	ĐẾ ỐP MẶT NGOÀI 65
Mã số MD-6501	Mã số MD-6502	Mã số MD-6503	Mã số MD-6504
Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.4 ly
Tỷ trọng 15.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 11.712kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.82kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.324kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó

			
THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG	KHUNG	CÁNH LỘ ĐỔ
Mã số MD-6508	Mã số MD-6511	Mã số MD-6004	Mã số MD-6005
Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly
Tỷ trọng 12.186kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 14.628kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.664kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.578kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó

			
CÁNH DẤU ĐỔ		THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG
Mã số MD-6007	Mã số MD-6515	Mã số MD-GK 513	Mã số MD-GK 561
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 3 ly
Tỷ trọng 5.154kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.426kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 18.300kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 24.701kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

			
THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG	THANH ĐỔ ĐÚNG
Mã số MD-GK 601	Mã số MD6501	Mã số MD6502	Mã số MD GK461
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly
Tỷ trọng 3.633kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.692kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.051kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.131kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

HỆ MẶT DỪNG

HỆ MẶT DỪNG 65

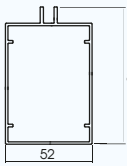
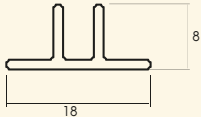
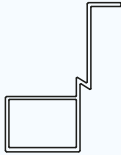
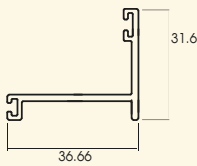
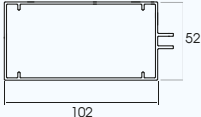
THANH ĐỖ ĐỨNG	THANH ĐỖ ĐỨNG	THANH ĐỖ ĐỨNG	THANH ĐỖ ĐỨNG
Mã số MD GK471	Mã số MD GK491	Mã số MD GK531	Mã số MD GK561
Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 2.5 ly	Độ dày 3.0 ly
Tỷ trọng 2.261kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.558kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.201kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.316kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

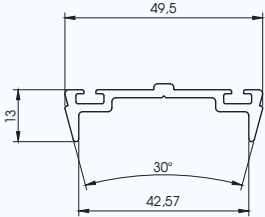
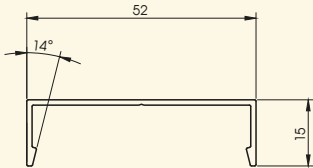
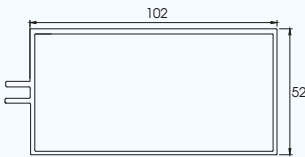
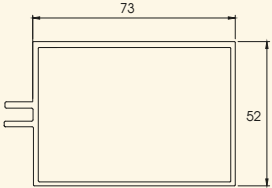
LẮP MẶT DỪNG	ĐẾ MẶT DỪNG	NỐI MIỆNG KÍNH HỘP	NỐI MIỆNG GK
Mã số MD6503	Mã số MD6504	Mã số MD6515	Mã số MD GK602
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 2.3 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly
Tỷ trọng 0.489kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.579kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.404kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.625kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

KHUNG CS	CÁNH CS LỘ ĐỖ	CÁNH CS LỘ ĐỖ	THANH ĐỖ ĐỨNG
Mã số MD6004	Mã số MD6005	Mã số MD6007	Mã số MD GK501
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 2.5 ly
Tỷ trọng 0.474kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.813kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.909kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.761kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

ĐẾ ĐỖ KÍNH GK	THANH ĐỖ ĐỨNG
Mã số MD GK015	Mã số MD6301
Độ dày 3.0 ly	Độ dày 2.0 ly
Tỷ trọng 0.585kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.318kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

HỆ MẶT DỰNG 1100

				
THANH ĐÓ ĐỨNG	ỐP ĐẦU ĐÓ	CÁNH ĐẦU ĐÓ	KHUNG	THANH ĐÓ ĐỨNG
Mã số TT-MD06	Mã số TT-MD08	Mã số TT-MD09	Mã số TT-MD10	Mã số TT-MD1100A
Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly	Độ dày 1.5 ly
Tỷ trọng 7.662kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.61kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.94kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.29kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 9.328kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó

			
...	...	...	NẠM CHỚP
Mã số MT20C004	Mã số MT20C008	Mã số MT1100A	Mã số MT006
Độ dày 2.0 ly	Độ dày 1.2 ly	Độ dày 2.0 ly	Độ dày 2.0 ly
Tỷ trọng 2.4 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.2 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 12.6 kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 10.2 kg/6m(±5%)
Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó	Quy cách đóng ... thanh/bó



HỆ TỦ NỘI THẤT

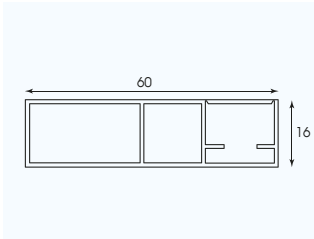


NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

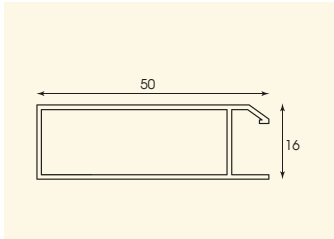
1900.0061

nhomtruongthanh.vn

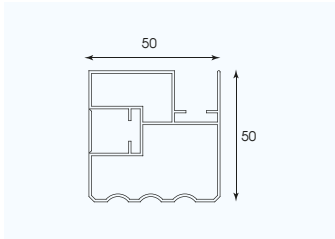
HỆ TỦ NỘI THẤT



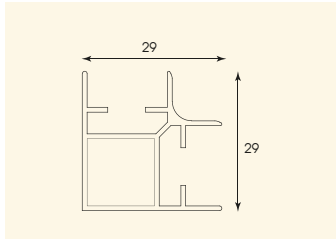
KHUNG BAO NGANG	
Mã số	DH 001
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



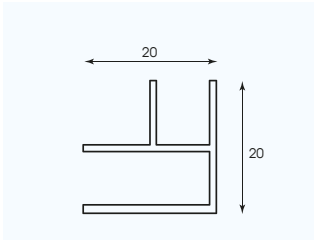
KHUNG BAO TIẾT KIỆM	
Mã số	DH 002
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.1kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



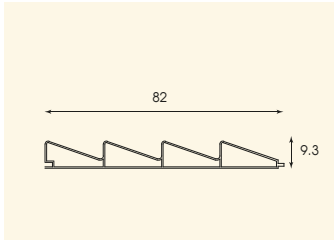
KHUNG BAO ĐỨNG TRƯỚC TO	
Mã số	DH 003
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.1kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



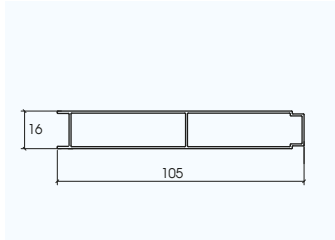
KHUNG BAO ĐỨNG NHỎ	
Mã số	DH 031
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



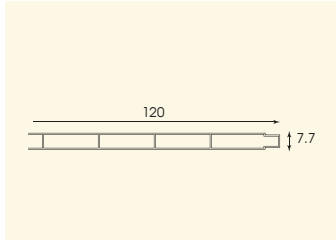
CHUYỂN GÓC BẮT VÍT	
Mã số	DH 020
Độ dày	0.85 ly
Tỷ trọng	1.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	20 thanh/bó



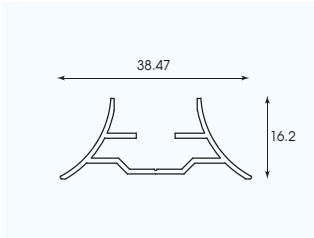
LÁ CHỚP	
Mã số	DH 013
Độ dày	0.5 ly
Tỷ trọng	2.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	5 thanh/bó



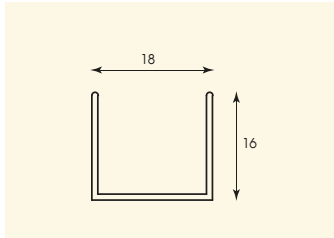
LÁ HỘP 105	
Mã số	DH 105
Độ dày	0.7 ly
Tỷ trọng	4.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	5 thanh/bó



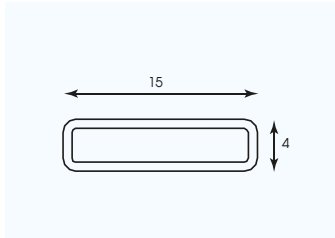
LÁ HỘP 120	
Mã số	DH 120X7
Độ dày	0.6 ly
Tỷ trọng	3.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	5 thanh/bó



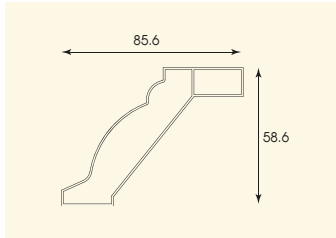
BẮT CHIA Ô, VÁCH	
Mã số	DH 030
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.35kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	4 thanh/bó



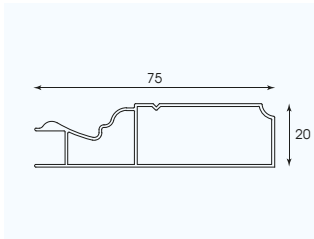
U BỊT CHIA ĐỘT	
Mã số	DH 011
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	0.8kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	30 thanh/bó



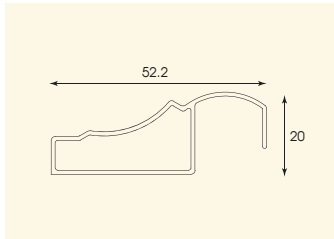
NAN TRANG TRÍ	
Mã số	DH 033
Độ dày	0.7 ly
Tỷ trọng	0.42kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	50 thanh/bó



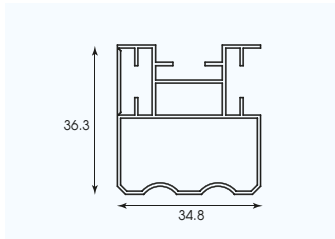
PHÀO MỘC TỦ	
Mã số	DH 035
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



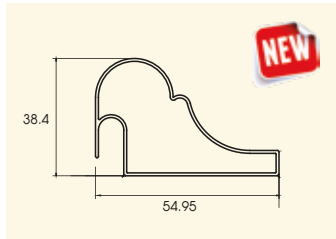
CÂY CÁCH TO	
Mã số	DH 042
Độ dày	0.85 ly
Tỷ trọng	3.4kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



PHÀO BO	
Mã số	DH 032
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.4kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



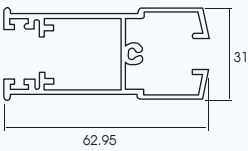
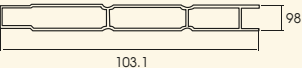
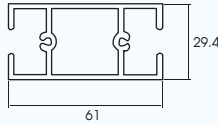
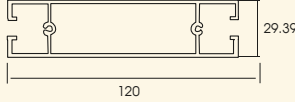
KHUNG BAO ĐỨNG TRƯỚC NHỎ	
Mã số	DH 1712
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	3.11kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó

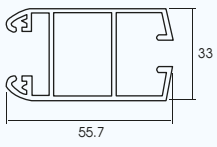
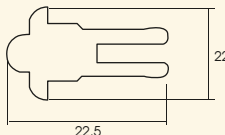


PHÀO CẢI TIẾN	
Mã số	DH 034
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	3.11kg/6m(±5%)
Quy cách đóng	6 thanh/bó



HỆ VIỆT PHÁP 2600

			
BÁNH XE	LÁ HỘP	THANH GIỮA BẢN NHỎ	THANH NGANG LỚN
Mã số TT-2606A	Mã số TT-4432	Mã số TT-2656A	Mã số TT-2672A
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.1 - 3.4kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.6 - 2.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.5 - 3.7kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 5.1 - 5.4kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 5 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó

	
CÁNH TRON	RAY ĐƠN
Mã số TT-2688A	Mã số TT-3303
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.2 - 3.5kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 0.6336 - 0.8448kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó

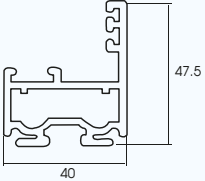
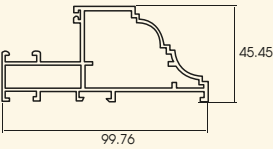
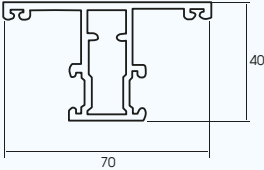
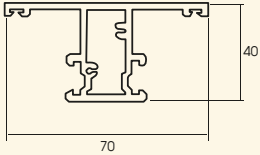
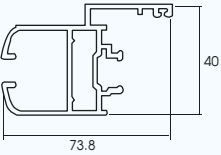
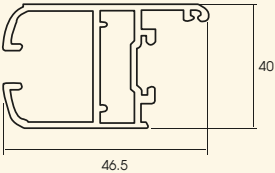
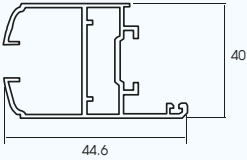
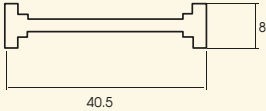
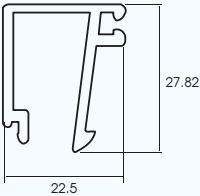
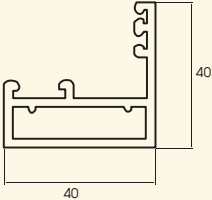
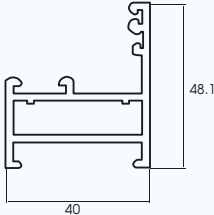
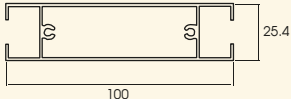
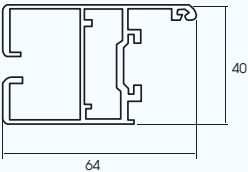


NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

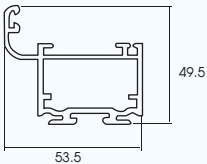
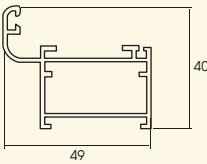
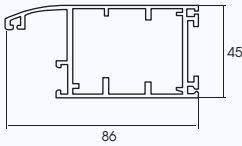
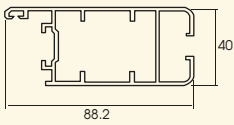
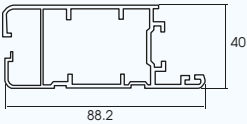
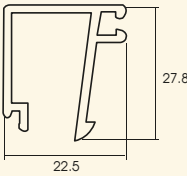
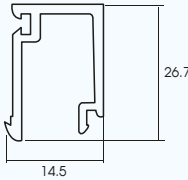
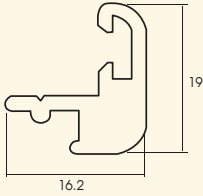
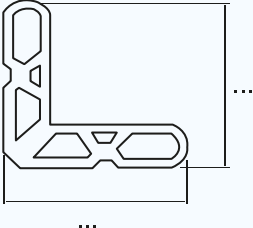
☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

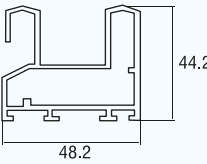
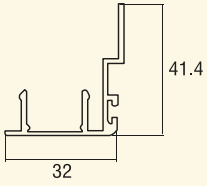
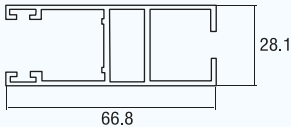
HỆ VIỆT PHÁP 4400

			
KHUNG BAO HỀM	KHUNG BAO HỀM	T44	T44A
Mã số TT-F4420	Mã số TT-4420A	Mã số TT-F4405	Mã số TT-F4405A
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.902 - 4.330kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.9 - 5.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.4 - 3.6kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.8 - 4.0kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó
			
CÁNH HỀM	CÁNH HỀM	CÁNH HỀM	THANH NỐI T
Mã số TT-F4482A	Mã số TT-4410A	Mã số TT-4410V	Mã số TT-W111
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.9 - 4.0kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.3 - 3.5kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.3 - 3.5kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.2 - 1.4kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó
			
SẬP TO	KHUNG BAO KHÔNG CHÂN	KHUNG BAO CÓ CHÂN	THANH NGANG NHỎ
Mã số TT-5016	Mã số TT-4402	Mã số TT-4402A	Mã số TT-7054
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 1.15 - 1.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.3 - 2.5kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.6 - 2.8kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.2 - 3.6kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 2 thanh/bó
			
CÁNH HỀM			
Mã số TT-4410C			
Độ dày 1 ly			
Tỷ trọng 3.47 - 3.9kg/6m(±5%)			
Quy cách đóng 4 thanh/bó			

HỆ VIỆT PHÁP 4500

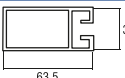
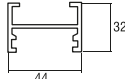
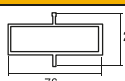
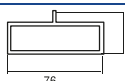
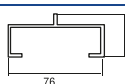
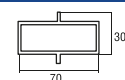
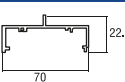
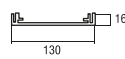
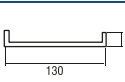
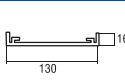
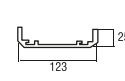
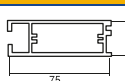
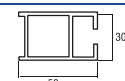
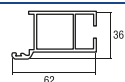
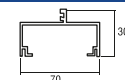
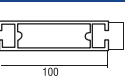
			
KHUNG BAO HÈM	KHUNG BAO HÈM	CÁNH LỚN	CÁNH LỚN
Mã số TT-450	Mã số TT-450A	Mã số TT-4451	Mã số TT-4451A
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.8 - 4.2kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 2.8 - 3.1kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.5 - 4.8kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 4.2 - 4.5kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó
			
CÁNH LỚN	SẬP	SẬP	HÈM
Mã số TT-4451B	Mã số TT-5016	Mã số TT-5026	Mã số TT-4504
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 4.25 - 4.6kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.15 - 1.3kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.27 - 1.37kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.0 - 1.19kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó	Quy cách đóng 10 thanh/bó
			
KE GÓC			
Mã số TT-4500			
Độ dày 1 ly			
Tỷ trọng 6.0 - 7.0kg/6m(±5%)			
Quy cách đóng			

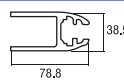
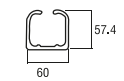
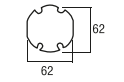
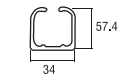
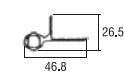
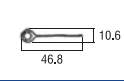
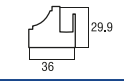
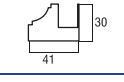
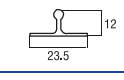
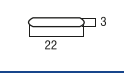
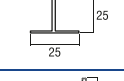
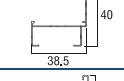
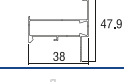
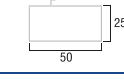
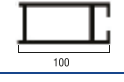
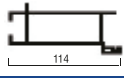
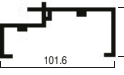
HỆ LÙA VIỆT Ý

		
KHUNG CỬA LÙA	MÓC CỬA LÙA	CÁNH CỬA LÙA
Mã số TTVY-4821	Mã số TT-4822	Mã số TTVY-4824
Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly	Độ dày 1 ly
Tỷ trọng 3.5 - 3.6kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 1.45 - 1.6kg/6m(±5%)	Tỷ trọng 3.1 - 3.3kg/6m(±5%)
Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó	Quy cách đóng 4 thanh/bó



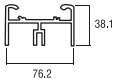
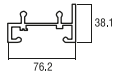
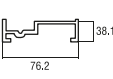
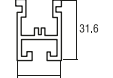
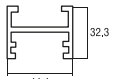
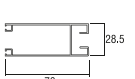
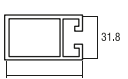
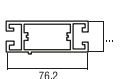
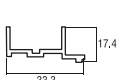
HỆ NHÔM PHỔ THÔNG

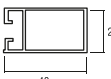
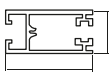
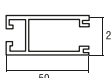
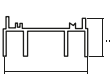
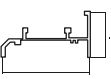
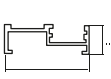
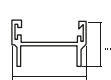
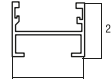
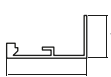
TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (± 5%)
HỆ CỬA 90					
1	TT-9001		ĐỨNG TRƠN CỬA LỬA 90	0.52	2.0
2	TT-9008		H CỬA LỬA 90	0.65	1.3
HỆ CỬA 70					
3	TT-7011		HỘP 25x76 HAI TAI	0.6	2.4
4	TT-7012		HỘP 25x76 MỘT TAI	0.6	2.04
5	TT-7019		ĐỨNG HỖ	0.6	2.1
6	TT-7005B		NGANG TRÊN, DƯỚI CỬA AM	0.6	2.15
7	TT-7109		ĐỨNG KHUNG BAO	0.6	1.85
HỘP ĐÈN					
8	TT-0018		HỘP ĐÈN VUÔNG	0.6	2.1
9	TT-0018A		HỘP ĐÈN VUÔNG KHÔNG GỖ	0.6	1.9
10	TT-0018B		HỘP ĐÈN VUÔNG CÓ GỖ	0.6	1.7
11	TT-0018C		HỘP ĐÈN TRÒN KHÔNG GỖ	0.6	2.4
HỆ CỬA AM					
12	TT-7051		NGANG TRÊN DƯỚI CỬA ĐI AM	0.51	2.25
13	TT-7052		ĐỔ TRƠN CỬA ĐI AM	0.6	1.7
14	TT-7053		ĐỔ MÓC CỬA ĐI AM	0.53	1.8
15	TT-7002		KHUNG BAO CỬA ĐI AM	0.6	1.85
16	TT-7054		NGANG GIỮA CỬA ĐI AM	0.6	3.204

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (± 5%)
CÁC LOẠI NHÔM CẤU THÀNH KHÁC					
17	TT-4622		KẸP KÍNH VÁT	2.0	9.0
18	TT-0091		TREO RÈM	2.0	1.77
19	TT-0152		ỐNG TRÒN MÁI HIỀN	...	2.6
20	TT-0091D			2.7	3.8
21	TT-0015A		BẢN LỀ	1.4	2.0
22	TT-0015B		BẢN LỀ	1.5	1.9
23	TT-0003		PHÀO BẢNG	0.51	1.15
24	TT-TH03B		PHÀO BẢNG	0.5	1.29
25	TT-20621		RAY ĐƠN	1.0	0.97
26	TT-5015A		LẬP LÀ 22 DÂY 3	3.0	1.1
27	TT-001		T25	0.64	0.52
28	TT-3801		...	0.6	1.134
29	TT-3803		...	0.6	1.134
30	TT-1017B		...	0.64	1.482
31	TT-7052A		ĐỨNG TRƠN 6M	1.0	5.0
32	TT-7052A		MÓC TRƠN 6M	1.0	5.6
33	TT-7062A		KHUNG BAO	1.0	4.0



HỆ NHÔM PHỔ THÔNG

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (± 5%)
HỆ CỬA LỬA 76					
31	TT9001		RAY TRÊN	0.9	4.1
32	TT9002		RAY DƯỚI	1.0	3.8
33	SLD9003		CHỮ Z	1.0	2.6
34	SLD9004		NGANG TRÊN	1.0	2.5
35	SLD9005		CHỮ H	0.65	1.3
36	SLD902		NGANG DƯỚI	0.65	2.4
37	SLD90001		ĐỔ ĐÚNG	0.52	2.1
38	SLD9008		THANH MÓC	1.0	3.1
39	SLD9009		NGANG GIỮA	1.0	4.1
40	SLD9029		THANH KHUNG BAO CỬA LỬA KẾT HỢP VÁCH 76	1.0	1.7

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (± 5%)
HỆ CỬA 70A					
41	TT-70101		ĐÚNG TRƠN 70A	0.44	1.25
42	TT-70102		ĐÚNG MÓC 70A	0.6	1.54
43	TT-70103		NGANG TRÊN 70A	0.5	1.75
44	TT-70104		NGANG DƯỚI 70A	0.7	1.6
45	TT-70105		RAY TRÊN 70A	0.7	2.5
46	TT-70106		RAY DƯỚI 70A	0.7	2.0
47	TT-70107		Z 70A	0.7	1.8
48	TT-70108		H CỬA LỬA 70A	0.7	1.3
49	TT-70208		H 70B	0.45	0.95
50	TT-0071		BẮM 25	0.35	0.4
51	TT-0072		ĐẾ 25	0.56	0.6



NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH

TT	Mã Số	Mặt Cắt	Tên gọi Thông dụng	Loại S	
				Chiều Dày	Trọng lượng (±5%)
Hệ Hộp					
52	TT-0101A		Hộp 10x20	0.36	0.5
53	TT-0101B		Hộp 12x20	0.4	0.42
54	TT-0102		Hộp 12x25	0.39	0.45
55	TT-0103		Hộp 25x38	0.43	0.8
56	TT-0104		Hộp 25x50	0.48	1.15
57	TT-0105		Hộp 38x50	0.5	1.45
58	TT-0106		Hộp 25x76	0.53	1.8
59	TT-0107		Hộp 38x76	0.5	3.9
60	TT-0108		Hộp 44x76	0.57	2.2
61	TT-0111		Hộp 44x100	1.1	5.05
62	TT-0203		Hộp 25x25	0.41	0.63
63	TT-0202		Hộp 20x20	0.5	0.65

TT	Mã Số	Mặt Cắt	Tên gọi Thông dụng	Loại S	
				Chiều Dày	Trọng lượng (± 5%)
Hệ U và V					
64	TT-0301		V10 _±	0.5	0.165
65	TT-0302		V12	0.475	0.5
66	TT-0303		V20	0.72	0.46
67	TT-0304		...	...	...
68	TT-0504		U12	0.49	0.3
69	TT-0032		U 7*12	0.42	0.38
70	TT-0502		U10	0.39	0.3
71	TT-20629		U 7*10	...	...
Hệ Ống Tròn				Số lượng	Đồng gói
72	TT-0007		PHI 8	50 thanh	Bó tròn
73	TT-0008		PHI 12	30 thanh	Bó tròn
74	TT-0601		PHI 16	30 thanh	Bó tròn
75	TT-0602		PHI 19	20 thanh	Bó tròn
76	TT-0602B		PHI 22	20 thanh	Bó tròn
77	TT-0604		PHI 25	20 thanh	Bó tròn



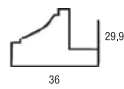
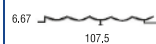
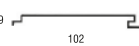
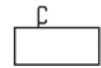
NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

1900.0061

nhomtruongthanh.vn

HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (± 5%)
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH					
78	TT-20624		CÁNH TỦ KHÔNG GỖ	0.44	0.5
79	TT-0009		CÁNH TỦ CÓ GỖ	0.37	0.57
80	TT-9753		CÁNH TỦ THẮNG CÓ GỖ	0.45	0.65
81	TT-9754		CÁNH TỦ THẮNG Ko GỖ	0.45	0.68
82	TT-0004		BƠ TỦ HAI RÃNH	0.45	1.1
83	TT-0004C		BƠ TỦ HAI RÃNH CÓ CHỈ	0.4	0.9
84	TT-0005		CÁNH TỦ LỚN Ko GỖ	0.4	0.9
85	TT-0005B		CÁNH TỦ LỚN CÓ GỖ	0.4	0.78
86	TT-0074		ĐẾ 38	0.64	0.7
87	TT-3806		BÁM 38	0.55	0.47

TT	Mã số	Mặt cắt	Tên gọi thông dụng	Loại S	
				Chiều dày	Trọng lượng (± 5%)
Hệ tủ kính và cấu thành					
88	TT-0011		Thanh E	0.49	0.45
89	TT-0003		...	0.51	1.15
90	TT-0072		...	0.56	0.45
91	TT-0015		...	0.46	0.9
92	TT-4221		...	0.58	0.864
93	TT-0014		...	0.59	1.15
94	TT-1017A		...	0.55	1.25
95	E38		...	0.55	0.74
96	E25		...	0.49	0.45
97	TT-LH01		Lá phẳng	0.5	2.05



NHÔM
TRƯỜNG THÀNH

☎ 1900.0061

📍 nhomtruongthanh.vn

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	Giới thiệu công ty	1
2	Hệ thống dây truyền	2
3	Chứng chỉ, giải thưởng	3
4	Sản phẩm tiêu biểu	4
5	Dây truyền sản xuất	5
6	Danh mục sản phẩm	
7	Hệ XF Gold Door liền sập	7
8	Hệ XF Gold Door	8
9	Hệ lửa Xingfa	9
10	Hệ KOCO 65	10
11	Hệ KOCO 120	13
12	Hệ thủy lực XF Gold Door	15
13	Hệ XF GM55	16
14	Hệ Yangli	18
15	Hệ XF GD55	19
16	Hệ Lam chắn nắng tiêu chuẩn	21
17	Hệ Hộp	22
18	Hệ XF Lửa 93	23
19	Hệ XF lửa 95	25
20	Hệ chấn song	27
21	Hệ mặt dựng 52	29
22	Hệ mặt dựng 65	30
23	Hệ mặt dựng 1100	32
24	Hệ tủ nội thất	33
25	Hệ Việt Pháp 2600	36
26	Hệ Việt pháp 4400	37
27	Hệ việt pháp 4500	38
28	Hệ lửa Việt Ý	38
29	Hệ nhôm phổ thông	39
30	Hệ tủ kính và cấu thành	41



TRƯƠNG THANH ALUMINUM



SONG HÀNH HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN



NHÔM TRƯỜNG THÀNH

TRỤ SỞ MIỀN BẮC

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NHÔM TRƯỜNG THÀNH

 NHÀ MÁY HÀ NỘI

Lô CN 1B, Cụm CN Quất Động mở rộng, Thường Tín, Hà Nội

 **1900.0061**

 nhomtruongthanh.vn

TRỤ SỞ MIỀN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM TRƯỜNG THÀNH MIỀN NAM

 NHÀ MÁY LONG AN

Lô H23 - H28, đường N1, KCN Nam Thuận, Đức Hòa, Long An

*Giữ trọn mái ấm
gia đình Việt*